

Số: ~~304~~ /BC-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

**Kết quả 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và thực hiện Chương trình công tác tại kỳ họp thứ 7 HĐND Thành phố, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố kết quả 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN Ở CÁC CẤP

1. Thành phố

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Quyết định số 617-QĐ/TU ngày 04/3/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo 8 Chương trình công tác của Thành ủy khóa XVI, nhiệm kỳ 2016-2020, trong đó có Ban Chỉ đạo Chương trình “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016-2020” (sau đây gọi tắt là Chương trình 02 của Thành ủy). Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ban Chỉ đạo đã ban hành quy chế hoạt động, thành lập Tổ công tác giúp việc. Ngay sau khi được thành lập, Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất xây dựng Chương trình và đã được Thành ủy chấp thuận, ban hành Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016-2020”.

- Thành ủy đã tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và triển khai Chương trình số 02 của Thành ủy để kịp thời đánh giá kết quả đạt được giai đoạn 2011-2015, rút ra những bài học, kinh nghiệm, tiếp tục chỉ đạo giai đoạn tiếp theo (ngày 12/5/2016); tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm (ngày 17/01/2017), Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ (ngày 30/06/2018) nhằm đánh giá kết quả đạt được và đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Chương trình đến cuối nhiệm kỳ; ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 01/9/2016 về “Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN quyền sử dụng đất), quyền

sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố”. Ban Chỉ đạo đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, tổ chức các đoàn công tác bám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

- Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch kèm theo Quyết định số 2288-QĐ/TU ngày 28/6/2017 thành lập 04 đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình 02 của Thành ủy. Các đoàn kiểm tra của Thành ủy đã tổ chức kiểm tra tại 14 đảng bộ trực thuộc Thành ủy và 24 đảng bộ cơ sở. Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành văn bản số 03-KL/TU ngày 25/9/2017 về kết luận kiểm tra việc thực hiện Chương trình.

- Ban Chỉ đạo Chương trình đã tổ chức 17 lần kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình tại các huyện, thị xã để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện ở cơ sở từ đó có giải pháp chỉ đạo, tháo gỡ nhằm sớm hoàn thành mục tiêu đề ra của Chương trình; ban hành 26 thông báo kết luận tại các cuộc họp giao ban Ban Chỉ đạo Thành phố và kiểm tra thực tế tại cơ sở để giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành thực hiện.

- Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách tạo điều kiện để các địa phương thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân Thành phố đã tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực, vốn đầu tư, triển khai đồng bộ các giải pháp và tổ chức thực hiện quyết liệt Chương trình như:

- + Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố, Quy hoạch, Chương trình, Đề án, Dự án, Quyết định, Kế hoạch của UBND Thành phố:

Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 05/4/2012 của HĐND Thành phố và Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND Thành phố về Quy định thí điểm một số chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2016; Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của HĐND Thành phố và Quyết định số 7110/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND Thành phố về Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020.

Các quy hoạch: Quy hoạch phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020 định hướng 2030, Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, Quy hoạch phát triển chăn nuôi Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, Quy hoạch thủy sản Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, Quy hoạch rừng Hà Nội giai đoạn 2012-2020, Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng huyện Ba Vì giai đoạn 2012-2020, Quy hoạch cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, Quy hoạch phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao theo hướng bền vững đến năm 2020, Quy hoạch Đề điều trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch hệ thống cơ sở giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các Chương trình, Đề án, Kế hoạch: Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến 2020, Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020; các đề án: Đề án Phát triển sản xuất hoa, cây cảnh Hà Nội giai đoạn 2012-2016, Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của lực lượng bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng thành phố Hà Nội giai đoạn 2015-2020, Đề án Thí điểm quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn các quận nội thành của thành phố Hà Nội, Kế hoạch Tái cơ cấu ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020.

+ Phê duyệt nhiều Quyết định, Đề án, Dự án, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện như: Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 06/10/2016 về thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy; Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố về chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung giai đoạn 2014-2020 (Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 07/8/2017); Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của HĐND Thành phố về một số chính sách đối với Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hà Nội giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 07/8/2017); Đề án "Thí điểm quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn các quận nội thành của thành phố Hà Nội" (Quyết định số 5848/QĐ-UBND ngày 23/8/2017); Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Thí điểm quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn các quận nội thành của thành phố Hà Nội" (số 215/KH-UBND ngày 06/10/2017); Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đến năm 2020 thành phố Hà Nội (số 5931/QĐ-UBND ngày 31/10/2018); Kế hoạch duy trì, phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 (số 19/KH-UBND ngày 22/01/2016); Kế hoạch về chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 (số 04/KH-UBND ngày 3/01/2018); Kế hoạch duy trì, phát triển hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020 (số 02/KH-UBND ngày 03/01/2018); Kế hoạch đánh giá thực trạng chất lượng và giải pháp sử dụng bền vững đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (số 05/KH-UBND ngày 03/01/2018); Đề án Đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác trong HTX nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 (Quyết định số 8450/QĐ-UBND ngày 05/12/2017); Phê duyệt kéo dài dự án Ứng dụng kết quả nghiên cứu lai tạo giống bò BBB trên nền đàn bò thịt lai Sind thành đàn bò F1 hướng thịt trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 (Quyết định số 4637/QĐ-UBND ngày 17/7/2017); Phê duyệt điều chỉnh dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu lai tạo giống bò BBB trên nền đàn bò thịt lai Sind thành đàn bò F1 hướng thịt trên địa bàn Thành phố đến năm 2025 (Quyết định số 6094/QĐ-UBND ngày 05/11/2018); Dự án chuỗi sản xuất cung cấp thịt gia súc, gia cầm đảm bảo an toàn thực phẩm Thành phố giai đoạn 2016-2020; Quy trình, định mức kinh tế

- kỹ thuật và đơn giá duy trì vận hành hệ thống tưới, tiêu trên địa bàn Thành phố (Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 16/3/2017); Phê duyệt danh mục công trình thủy lợi do Thành phố đầu tư và quản lý sau đầu tư theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố (số 1978/QĐ-UBND ngày 28/3/2017); Quyết định quy định về quản lý và hành lang bảo vệ đối với đề cấp IV, cấp V trên địa bàn Thành phố (số 17/2016/QĐ-UBND ngày 11/5/2016); Quyết định “Bổ sung quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn Thành phố” (số 46/2016/QĐ-UBND ngày 07/11/2016); Quyết định về bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020 (số 4212/QĐ-UBND ngày 20/8/2018); Phê duyệt Đề cương Đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030” (văn bản số 4231/UBND-KT ngày 13/9/2018); phân bổ kinh phí hỗ trợ lập Quy hoạch chi tiết, điều chỉnh bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới và Đề án xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội (Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 16/8/2018); Phê duyệt đề cương nhiệm vụ xây dựng Đề án quy hoạch xã nông thôn mới điển hình tiên tiến tại xã Đông Hội, huyện Đông Anh và xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ (Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 03/01/2018); Quyết định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020 (số 4212/QĐ-UBND ngày 20/8/2018); các Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới các năm từ 2016-2018...

+ Chỉ đạo toàn diện, giải quyết kịp thời những bức xúc cho người dân Thủ đô trong thời gian qua để đạt được kết quả của Chương trình như:

Việc giao đất dịch vụ, đầu tư, chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp góp phần giải quyết việc làm cho người dân; giải quyết nhà ở cho người có công, hộ nghèo; xử lý ô nhiễm ao hồ, rác thải; nước sạch, năng lượng sạch, chiếu sáng nông thôn; đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia; bổ sung ngân sách mua bảo hiểm, đào tạo nghề; hỗ trợ đầu tư kỹ thuật số cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo; quy hoạch, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề; tập trung giải quyết khiếu kiện, các điểm nóng trên địa bàn nông thôn; kế hoạch và tổ chức thực hiện hỗ trợ 14 xã nghèo vùng dân tộc thiểu số miền núi; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư giải quyết đầu ra cho nông sản; tập trung xử lý liên quan đến tiêu chí sản xuất, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp; đã hình thành một số cơ sở sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo chuỗi mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tập trung trong công tác phòng, chống thiên tai, kịp thời khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra như ngập, úng tại một số huyện trên địa bàn Thành phố (Chương Mỹ, Quốc Oai) đảm bảo an toàn, ổn định đời sống người dân.

Chỉ đạo, kết luận 11 nội dung tố cáo liên quan đến công tác dồn điền đổi thửa tại 05 huyện: Quốc Oai, Ba Vì, Thanh Oai, Chương Mỹ, Thanh Oai: Kết luận nội dung tố cáo đối với Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đại Phú, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai (số 39/KL-UBND ngày 07/10/2016); Kết luận nội dung tố cáo

đối với ông Nguyễn Văn Hải - Phó Chủ tịch UBND huyện Ba Vì liên quan đến công tác giải quyết đơn thư, quản lý sử dụng đất và dồn điền đổi thửa tại địa phương (số 44/KL-UBND ngày 19/10/2016); Kết luận nội dung tố cáo đối với ông Bùi Văn Oánh, Phó Chủ tịch UBND xã Bình Minh liên quan đến công tác dồn điền đổi thửa tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai (số 60/KL-UBND ngày 24/11/2016); Kết luận nội dung tố cáo đối với Tiểu Ban dồn điền đổi thửa tại thôn Xuân Thủy huyện Chương Mỹ (số 18/KL-UBND ngày 23/02/2017); Kết luận nội dung tố cáo đối với ông Bùi Văn Sáng- Phó Chủ tịch UBND huyện Thanh Oai (số 34/KL-UBND ngày 21/4/2017); Kết luận nội dung tố cáo đối với các ông Trương Văn Cừ - nguyên Chủ tịch UBND xã, Phó Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa xã Hoàng Văn Thụ; ông Lê Trung Hà - Chủ tịch UBND xã, Trưởng Ban Chỉ đạo dồn điền đổi thửa xã Hoàng Văn Thụ; ông Lê Hoài Thi- Phó Chủ tịch UBND xã, Phó Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa thôn Văn Sơn; ông Nguyễn Đức Thực - Trưởng thôn, Phó Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Ngân - Bí thư chi bộ, Trưởng Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Văn Sơn, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ (số 61/KL-UBND ngày 24/7/2017); Kết luận nội dung tố cáo của một số công dân thôn Cao Sơn, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ (số 15/KL-UBND ngày 23/01/2018); Kết luận nội dung tố cáo đối với ông Nguyễn Văn Hưng- Chủ tịch UBND xã Văn Võ, Phó Ban Chỉ đạo dồn điền đổi thửa xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ (số 16/KL-UBND ngày 23/01/2018); Kết luận nội dung tố cáo đối với UBND thị trấn Tây Đằng, Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Vân Hồng, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì (số 69/KL-UBND ngày 03/7/2018); Kết luận nội dung tố cáo đối với ông Nguyễn Hữu Thắng, Trưởng Ban Dồn điền đổi thửa xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai năm 2012 - nay là Chủ tịch UBND xã Nghĩa Hương (số 82/KL-UBND ngày 21/8/2018); Kết luận nội dung tố cáo của một số công dân thôn Yên Thường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, liên quan đến công tác dồn điền đổi thửa (số 91/KL-UBND ngày 07/9/2018).

- Các sở, ban, ngành Thành phố đã vào cuộc quyết liệt, kịp thời tham mưu Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố ban hành các cơ chế, chính sách, đồng thời chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc cơ sở thực hiện.

- Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các đoàn thể chính trị xã hội, các cơ quan truyền thông của Trung ương và Thành phố đã kịp thời tuyên truyền những điển hình tiên tiến, sáng kiến, kinh nghiệm, cũng như phản ánh về một số tồn tại trong triển khai thực hiện ở cơ sở góp phần tích cực vào kết quả của Chương trình như: Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các Báo: Nhân dân, Hà Nội mới, Lao Động, Đại biểu Nhân dân, Nông nghiệp Việt Nam, Kinh tế nông thôn, Kinh tế và Đô thị, Tuổi trẻ Thủ Đô,...

2. Các huyện, thị xã

Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã đã xây dựng Chương trình, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện; kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tiến hành giao ban định kỳ hàng tháng để đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và

đề ra giải pháp để hoàn thành mục tiêu đề ra; làm việc trực tiếp với các xã về tiến độ xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa, chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các phòng, ban liên quan của huyện, thị xã kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Công tác tuyên truyền được coi trọng, bằng nhiều hình thức như: Hội thảo, pano, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, ... tuyên truyền xây dựng làng, thôn, gia đình văn hóa, bảo vệ môi trường, các mô hình điển hình tiên tiến, các ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nâng cao thu nhập giúp giảm nghèo bền vững. Nhiều địa phương đã tổ chức lễ phát động toàn dân thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Hội nghị giao ban toàn bộ các Bí thư Chi bộ thôn, trưởng các thôn, cụm dân cư kết hợp phát động phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 như các huyện Đan Phượng, Ba Vì, Phú Xuyên, ... được đông đảo người dân hưởng ứng tham gia.

3. Các xã

Ban Chỉ đạo các xã ban hành chương trình, kế hoạch, Nghị quyết cụ thể triển khai thực hiện Chương trình, kế hoạch của huyện bằng việc tổ chức giao ban hàng tuần để rút kinh nghiệm và kịp thời giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới đã chủ động xây dựng kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 4212/QĐ-UBND của UBND Thành phố về Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020. Các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND Thành phố ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Về Phát triển nông nghiệp

1.1. Lĩnh vực trồng trọt

Mặc dù gặp khó khăn về thời tiết, nhất là bị ảnh hưởng đợt mưa lũ tháng 7/2018, diện tích bị ngập úng hơn 8.400 ha, Thành phố đã chỉ đạo kịp thời, đồng bộ các giải pháp khắc phục hậu quả, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp vẫn duy trì tăng khá cao, đạt 3,37% (năm 2015 là 2,4%; năm 2016 là 3,22%; năm 2017 là 2,19%).

Tổng diện tích gieo trồng năm 2018 ước đạt 253.484 ha giảm 14,7% so với năm 2015; sản lượng lương thực có hạt 1.160 nghìn tấn, giảm 8,66% so với năm 2015, trong đó sản lượng lúa 1.072 nghìn tấn giảm 8,61% so với năm 2015, sản lượng ngô 87,1 nghìn tấn giảm 11,93% so với năm 2015, sản lượng rau các loại 711 nghìn tấn, tăng 22,17% so với năm 2015.

Đã hình thành nhiều vùng sản xuất chuyên canh tập trung đem lại hiệu quả kinh tế cao, cụ thể: Tổ chức được 154 cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa chất lượng cao với quy mô trên 100 ha tại 86 Hợp tác xã nông nghiệp của 14 huyện ngoại thành, hiệu quả kinh tế cao hơn khoảng 8,9 triệu đồng/ha lúa truyền thống, điển

hình như: Xã Tam Hưng (Thanh Oai); xã Quảng Phú Cầu, xã Phù Lưu, xã Hòa Phú, xã Minh Đức (Ứng Hòa); xã Bắc Phú, xã Tân Hưng (Sóc Sơn); xã Liên Hà (Đông Anh),... 101 vùng sản xuất rau an toàn tập trung với quy mô từ 20 ha trở lên; 50 vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung với quy mô 20 ha/vùng (tăng 8 vùng so với trước khi thực hiện đề án sản xuất hoa, cây cảnh). Xây dựng được 12 nhãn hiệu tập thể (Bưởi tôm vàng Đan Phượng, Bưởi đường Quế Dương, Cam canh Kim An, Bưởi Phúc Thọ, Bưởi Chương Mỹ, Bưởi Sóc Sơn, Phật Thủ Đắc Sở, Nhãn muện Đại Thành, Nhãn muện Hoài Đức, Chuối Cổ Bi, Chuối Vân Nam, Ổi Đông Du).

1.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Trong những năm gần đây Hà Nội tập trung đẩy mạnh việc mở rộng và nâng cao chất lượng sản xuất, cung cấp con giống theo phương pháp nhập đàn giống chất lượng cao từ nước ngoài để cải tạo đàn giống vật nuôi trong nước theo hướng thuần hoá để thích nghi với môi trường trong nước, sản lượng cao hơn và khả năng kháng dịch bệnh tốt hơn; các mô hình chăn nuôi quy mô lớn và bền vững được đẩy mạnh. Đặc biệt, Thành phố đã xây dựng Trung tâm sản xuất tinh bò ứng dụng công nghệ cao có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa các chương trình, Nghị quyết, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Thành phố vào cuộc sống. Qua đó, ngành nông nghiệp Hà Nội làm chủ công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong việc lai tạo và sản xuất giống vật nuôi quý, chất lượng cao. Kết quả hiện nay: Tỷ lệ lợn nái ngoại thuần và nái ngoại chiếm 86%, tỷ lệ lợn thịt giống ngoại chiếm trên 90%; Tỷ lệ gà công nghiệp chiếm trên 45%, gà ta 55%; tỷ lệ bò sữa cao sản HFF₃ trở lên chiếm 65%, bò HFF₂ chiếm 18%, bò HFF₁ chiếm 7%, bò HF thuần chủng chiếm 10%; tỷ lệ đàn bò thịt được phối giống với tinh bò ngoại chất lượng cao như bò Lai Sind, Brahman, Droughmaster, BBB,... trên 90%.

Hiện nay, Thành phố đã phát triển 15 vùng chăn nuôi tập trung quy mô lớn ngoài khu dân cư gồm 02 vùng chăn nuôi bò sữa với tổng đàn là 10.828 con, chiếm 70% tổng đàn toàn Thành phố, 04 vùng chăn nuôi lợn với tổng đàn là 195 nghìn con, chiếm 10% tổng đàn toàn Thành phố, 09 vùng chăn nuôi gia cầm, thủy cầm với tổng đàn là 5,8 triệu con chiếm 19% tổng đàn toàn Thành phố.

Phát triển 76 xã chăn nuôi trọng điểm, gồm 15 xã chăn nuôi bò sữa (với tổng đàn là 11.317 con, chiếm 72% tổng đàn toàn Thành phố), 19 xã chăn nuôi bò thịt với tổng đàn là 26.760 con chiếm 21% tổng đàn toàn Thành phố, 13 xã chăn nuôi lợn với 227.330 con lợn chiếm 12% toàn Thành phố, 29 xã chăn nuôi gia cầm, thủy cầm với tổng đàn là 5.825.172 con chiếm 19,4% toàn Thành phố.

Đã phát triển 3.941 trại chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư gồm: 51 trại chăn nuôi bò sữa với 913 con bò, 104 trại chăn nuôi bò thịt với 2.870 con, 1.086 trại chăn nuôi lợn với tổng đàn là 512.601 con và 2.700 trại chăn nuôi gia cầm với tổng đàn là 7.993.679 con.

Kết quả nổi bật: Chăn nuôi có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển dần sang chăn nuôi trang trại, chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư. Đã hình thành 101 mô hình trang trại chăn nuôi tập trung áp dụng công nghệ cao hoặc

chăn nuôi khép kín từ giống, vật tư đầu vào đến sản xuất và tiêu thụ. Tuy nhiên, trong 02 năm trở lại đây sản xuất chăn nuôi trên địa bàn cả nước gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ đặc biệt là chăn nuôi lợn, nhiều người chăn nuôi bị thua lỗ. Nhờ sự hỗ trợ kịp thời của Trung ương, các cấp, các ngành nên giá thịt lợn hơi đã dần ổn định, mặt khác Hà Nội đang từng bước chuyển đổi theo mô hình tập trung, đưa các giống chất lượng cao vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao nên đã khuyến khích được các hộ chăn nuôi.

Thành phố có 1.070 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, trong đó số cơ sở được kiểm soát là 128 cơ sở, số lượng thịt tiêu thụ được kiểm soát đáp ứng được khoảng 60% lượng thịt tiêu thụ. Số cơ sở giết mổ tập trung được triển khai thực hiện theo quy hoạch 10/45 điểm, trong đó có 08 điểm đã xây dựng và đi vào hoạt động có hiệu quả tốt với tổng sản lượng giết mổ thực tế khoảng 220 tấn/ngày, đạt trên 50% công suất thiết kế (410 tấn/ngày).

1.3. Lĩnh vực thủy sản

Thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực thủy sản, Thành phố đã chuyển đổi được 4.746,5 ha diện tích ruộng trồng trũng sang nuôi trồng thủy sản tập trung kết hợp với trồng cây ăn quả, du lịch sinh thái. Đã hình thành 56 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các huyện: Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thanh Oai, Mỹ Đức, Ba Vì, Chương Mỹ, Thanh Trì, Thường Tín. Tổng diện tích đưa vào nuôi trồng thủy sản toàn Thành phố đạt trên 22.500 ha. Sản xuất cá giống phát triển ổn định, hàng năm cung cấp trên 1.500 triệu con cá giống các loại đáp ứng được 90% nhu cầu con giống đảm bảo chất lượng trên địa bàn Thành phố.

Một số mô hình nuôi cá truyền thống như: Cá chép lai, cá trắm cỏ, cá rô phi và một số đối tượng thủy đặc sản khác như: Trắm đen, cá lăng chấm, cá vược,... cho hiệu quả kinh tế cao đã được nhân rộng và phát triển. Tuy nhiên, chưa xây dựng được các mô hình, vùng nuôi áp dụng quy trình sản xuất theo VietGAP.

1.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

Hà Nội có diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 27.726,4 ha, chiếm 8,34% diện tích tự nhiên của Thành phố. Trong những năm qua về cơ bản rừng tự nhiên đã được bảo vệ và phục hồi, đất trống đồi núi trọc cơ bản được phủ xanh. Trung bình hàng năm trồng rừng mới tập trung khoảng từ 200 - 300 ha, trong đó rừng sản xuất từ 80 - 100 ha/năm và trồng rừng phòng hộ từ 120 - 200 ha/năm.

Các biện pháp bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật lâm nghiệp nên rừng được bảo vệ tốt hơn. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,59%.

1.5. Kết quả sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Việc ứng dụng công nghệ cao (CNC) đã được đẩy mạnh trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản, cho năng suất vượt trội, giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm như: Sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao; các trang trại trồng trọt sử dụng giống nuôi cấy mô, giống sạch bệnh, hệ thống tưới tiết kiệm, canh tác cây trồng trong nhà màng, nhà lưới...

Đến nay, toàn Thành phố có 126 mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao (tăng 20 mô hình so với cuối năm 2017). Trong đó các địa phương có nhiều mô hình như: Mê Linh 18 mô hình, Gia Lâm 17 mô hình, Thường Tín 14 mô hình, Sóc Sơn 9 mô hình, Thanh Oai 9 mô hình, Phúc Thọ 8 mô hình, Đông Anh 8 mô hình, Đan Phượng 8 mô hình,... Một số mô hình nổi bật như: Nhà máy sản xuất Nấm Kim châm công nghệ Nhật Bản của Công ty TNHH XKN Kinoko Thanh Cao tại xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức; Mô hình sản xuất rau thủy canh của HXT DVNN tổng hợp Đa Tốn, huyện Gia Lâm và hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh Hồng xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì; Mô hình sản xuất giống và hoa Lan Hồ điệp của HTX Đan Hoài, huyện Đan Phượng,... giá trị sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao hiện nay chiếm khoảng 25% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện nay tuy quy mô còn nhỏ, nhưng đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với thực tế của Hà Nội và đang khẳng định được vị thế trong điều kiện hiện nay (có Biểu số 01 kèm theo).

a) Trong lĩnh vực trồng trọt

- Trồng canh tác rau: Tại các vùng trồng rau có 119 ha nhà lưới; 15 ha ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm; 05 nhà sơ chế rau với tổng diện tích 458 m².

- Trồng canh tác hoa: Có khoảng 110 ha ứng dụng CNC ở một số khâu. Tổng diện tích nhà màng, nhà lưới của các vùng hoa hiện nay là 68,3 ha, trong đó có 0,1ha bước đầu ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm. Điển hình như mô hình trồng hoa lan công nghệ cao của HTX Đan Hoài - Flora Việt Nam (Đan Phượng), HTX hoa, cây cảnh Thụy Hương (Chương Mỹ),...

- Cây ăn quả: Có 924,5 ha sản xuất cây ăn quả ứng dụng CNC (chiếm 6,2% tổng diện tích cây ăn quả toàn Thành phố); trong đó: 634 ha ứng dụng giống chất lượng cao; 372 ha chuối ứng dụng 02 tiêu chí sản xuất nông nghiệp CNC (giống nuôi cấy mô và bao buồng). Điển hình như: Bưởi Diễn (Chương Mỹ); Cam Canh (Thanh Oai); Nhãn chín muộn (Hoài Đức, Quốc Oai, Gia Lâm); Chuối tiêu hồng ở các xã Tự nhiên (Thường Tín), Văn Khê (Mê Linh), Trung Châu (Đan Phượng), Cỏ Bi (Gia Lâm),...

- Cây chè: Có 306,5 ha (chiếm 10,2%) diện tích sản xuất chè ứng dụng CNC; trong đó: 30 ha ứng dụng đồng bộ CNC; 186 ha sử dụng giống mới giá trị và chất lượng cao; 90 ha sử dụng phân bón sinh học, hữu cơ, thuốc thảo dược; 30 ha ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, điển hình như xã Ba Trại, xã Yên Bài huyện Ba Vì.

Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất trồng trọt cũng được tăng cường, toàn Thành phố có 5.676 máy làm đất, 281 máy gieo cấy, 990 máy phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ, 877 máy gặt đập liên hợp. Đưa tỷ lệ cơ giới hóa về làm đất 97%, gieo cấy 2,55%, phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ 46%, thu hoạch bằng máy 85%.

b) Trong lĩnh vực chăn nuôi

- Về giống: Nhập các giống gà, lợn ông bà, bố mẹ từ nước ngoài để cải thiện chất lượng đàn giống trong nước như gà D300 của Công hòa Séc; lợn đực các

giống Landrace; Yorkshire,... từ Đan Mạch; lợn nái ngoại Landrace; Yorkshire,... từ Thái Lan, Canada,... Trong công tác giống sử dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo đối với đàn bò (đạt 100% với đàn bò sữa và 61% đối với đàn bò thịt); 79% đối với đàn lợn; công tác thụ tinh nhân tạo gà đang bắt đầu thử nghiệm triển khai thực hiện ở 5 cơ sở.

- Hệ thống chuồng nuôi: Đối với chăn nuôi lợn và gà sử dụng hệ thống chuồng kín đạt 30% số trại chăn nuôi quy mô lớn; đối với chăn nuôi bò sữa sử dụng hệ thống làm mát đạt trên 80%; bò thịt đạt trên 50%.

- Hệ thống xử lý môi trường: Có 75% số trại bò sữa; 44% số trại chăn nuôi bò thịt; 44% số trại chăn nuôi lợn quy mô lớn ngoài khu dân cư đã sử dụng hầm Biogas; 65% số trại chăn nuôi bò sữa; 28% số trại chăn nuôi bò thịt; 29% số trại chăn nuôi lợn và 34% số trại chăn nuôi gà sử dụng chế phẩm xử lý môi trường trong chăn nuôi. Riêng đối với chăn nuôi lợn đã có 02 trại chăn nuôi quy mô lớn sử dụng biện pháp xử lý môi trường theo cơ chế phát triển sạch (CDM). Huyện Phúc Thọ đã thu hút Công ty TNHH Ba Huân khánh thành đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý và chế biến trứng gia cầm công nghệ cao.

c) Trong lĩnh vực thủy sản

Đã đưa ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất như: ứng dụng làm giàu oxy bằng quạt nước diện tích trên 4.200 ha, sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường nước trên 600 ha và sử dụng công nghệ Biofloc đạt 12 ha.

1.6. Kết quả thực hiện mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp

Việc tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị có vai trò rất quan trọng quyết định tính bền vững trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả đến nay toàn Thành phố có 118 mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp (tăng 47 mô hình so với cuối năm 2017). Trong đó các địa phương có nhiều mô hình liên kết như: Ứng Hòa có 21 mô hình, Gia Lâm 18 mô hình, Đông Anh 14 mô hình, Quốc Oai 9 mô hình, Sóc Sơn 9 mô hình, Mỹ Đức 8 mô hình, Chương Mỹ 7 mô hình,.... Các mô hình liên kết hiện nay đã tạo ra chuyển biến tích cực, giúp người dân phát triển sản xuất bền vững và tạo ra những sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu, bước đầu các mô hình đã tạo nền tảng liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, bảo đảm đầu ra cho nông sản có thị trường tiêu thụ ổn định (*Có Biểu số 02 kèm theo*).

1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi sau dồn điền đổi thửa

Theo báo cáo của các huyện, thị xã, đến nay toàn Thành phố chuyển đổi được 33.884 ha sau dồn điền đổi thửa sang các mô hình sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trong đó diện tích chuyển đổi sản xuất lúa chất lượng cao có diện tích lớn nhất (13.557,8 ha), tiếp đến là diện tích chuyển đổi sang cây ăn quả (6.540,6 ha), Rau an toàn (2.802,7 ha),... Một số huyện có diện tích chuyển đổi lớn là: Sóc Sơn (8.334,7 ha), Ba Vì (5.241,5 ha), Thanh Oai (3.260,1 ha), Phú Xuyên (2.830,6 ha), Quốc Oai (2.746,1 ha),...

Sau dồn điền đổi thửa, Thành phố đã chỉ đạo đẩy mạnh việc chuyển đổi vùng đất lúa kém hiệu quả sang các mô hình canh tác hiệu quả cao hơn, qua đó, giúp gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác, nâng cao thu nhập người nông dân. Với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, Thành phố đã hình thành nhiều vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung như các vùng sản xuất lúa chất lượng cao ở hầu hết các huyện có quy hoạch sản xuất lúa như: Mỹ Đức, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Mê Linh, Thanh Oai, Chương Mỹ, Sóc Sơn cho giá trị thu nhập tăng thêm so với sản xuất lúa truyền thống khoảng 25-30%; Vùng sản xuất Rau an toàn ở các huyện: Đông Anh, Phúc Thọ, Hoài Đức, Gia Lâm, Chương Mỹ, Đan Phượng... cho giá trị sản xuất từ 400-500 triệu đồng/ha/năm, tiêu biểu là mô hình trồng rau hữu cơ của gia đình Ông Nguyễn Đăng Quý, Bà Đặng Thị Cuối ở xã Đan Phượng huyện Đan Phượng cho thu nhập cao từ 2-3 tỷ đồng/ha/năm; Vùng trồng cây ăn quả ở một số xã thuộc các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Oai, Chương Mỹ, Gia Lâm, Thanh Trì, Phúc Thọ với giá trị 0,5-1 tỷ/ha/năm. Nhiều địa phương đã sản xuất và xây dựng được thương hiệu cho một số giống cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao như: Phật Thủ, Nhãn chín muộn, Cam canh ở Hoài Đức, Bưởi Tôm vàng ở Đan Phượng; vùng trồng hoa, cây cảnh ở các huyện: Mê Linh, Đan Phượng, Thường Tín, Đông Anh, Thạch Thất với giá trị từ 0,5-1,5 tỷ/ha/năm, các vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư tại các huyện như: Sơn Tây, Ba Vì, Gia Lâm, Quốc Oai, Chương Mỹ, Thanh Oai, Thanh Trì, Phúc Thọ với giá trị từ 1-2 tỷ/ha/năm; vùng nuôi trồng thủy sản hiệu quả tại một số huyện như: Thanh Trì, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức cho giá trị từ 200-300 triệu đồng/ha/năm (có Biểu số 03 kèm theo).

1.8. Công tác dồn điền đổi thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp

a) Kết quả dồn điền đổi thửa

Đến nay, toàn Thành phố thực hiện dồn điền, đổi thửa được 79.183,1/75.980,1 ha (đạt 104,2%), tăng 2.291,3 ha so với cuối năm 2015, vượt 3.673,5 ha so với kế hoạch. Diện tích đất dôi dư sau dồn điền đổi thửa là 1.836,9 ha, tạo điều kiện cho các địa phương quy hoạch mở rộng các công trình phúc lợi, quy hoạch đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới (có Biểu số 04 kèm theo).

b) Kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp

Thực hiện Chỉ thị 09-CT/TU ngày 01/9/2016 của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố. Đến nay, đã cấp được 616.704/622.861 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa đạt 99,1%. Một số địa phương đã hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ nông dân như huyện Thường Tín, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thanh Trì, Thạch Thất, Ứng Hòa, Hoài Đức và thị xã Sơn Tây. Còn lại 6.157 (0,9%) giấy chứng nhận chưa cấp được là những trường hợp khó khăn, vướng mắc (do người đứng tên trên GCN không có

mặt tại địa phương, chủ đất đã chết, trong gia đình chưa thỏa thuận được di sản thừa kế, tranh chấp, khiếu kiện, chuyển nhượng không có giấy tờ, chủ đất không hợp tác kê khai,...).

Kết quả sau dồn điền đổi thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tạo điều kiện cho các hộ nông dân liên doanh, liên kết, sản xuất theo hướng chuyên canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đem lại năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống nông dân,... (Có Biểu số 04 kèm theo)

2. Kết quả xây dựng nông thôn mới

Mục tiêu của UBND Thành phố tại Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 06/10/2016 phân đấu đến năm 2020 Thành phố có từ 347 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới (tăng thêm 146 xã so với năm 2015), có 10 huyện, thị xã trở lên đạt nông thôn mới. Kết quả cụ thể như sau:

2.1. Tổng hợp kết quả xây dựng nông thôn mới

- Về xây dựng huyện nông thôn mới: Thành phố có 04 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (Đan Phượng, Đông Anh, Thanh Trì và Hoài Đức), 04 huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018: Gia Lâm đạt 9/9 tiêu chí, đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn năm 2018, Thạch Thất đạt 7/9 tiêu; Phúc Thọ đạt 7/9 tiêu chí, Quốc Oai đạt 6/9 tiêu chí.

- Về xây dựng xã nông thôn mới: Đến nay, Thành phố có 297/386 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 76,9%, tăng thêm 96 xã so với cuối năm 2015); trong 89 xã còn lại, có 72 xã đạt và cơ bản đạt từ 15-18 tiêu chí, 17 xã đạt và cơ bản đạt từ 11-14 tiêu chí. Hiện nay có khoảng 30 xã đề nghị công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đang được các sở, ngành, địa phương thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt trong năm 2018. Dự kiến số xã nông thôn mới đạt và vượt mục tiêu kế hoạch Chương trình.

2.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí

a) Nhóm tiêu chí về quy hoạch

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố, đến nay, các huyện, thị xã đang chỉ đạo các xã tập trung rà soát điều chỉnh quy hoạch chung các xã, xây dựng quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn và quy hoạch trung tâm xã với tỷ lệ 1/500 theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Trên cơ sở Kế hoạch của UBND các huyện, thị xã; UBND Thành phố đã bố trí vốn cho các huyện, thị xã rà soát điều chỉnh quy hoạch chung xã (341 xã), Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500 với 373 xã và Quy hoạch điểm dân cư nông

thôn 1/500 với 354 xã. Kết quả đến nay có 104 xã được phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xã; chưa có xã nào được phê duyệt Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500 và Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500 (Có Biểu số 05 kèm theo).

b) Nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội

Ngay từ đầu năm 2018, các huyện, thị xã và các xã tiếp tục tích cực triển khai thực hiện cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; đường làng, ngõ xóm, hệ thống thoát nước; đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi nội đồng đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp; nâng cấp và xây mới các trường học đảm bảo nhu cầu giảng dạy và học tập tại địa phương; xây mới và sửa chữa, mua sắm các thiết bị cho các nhà văn hóa thôn đảm bảo sinh hoạt cộng đồng; cải tạo, nâng cấp, xây mới các trạm y tế đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân,... cụ thể như sau:

- Tiêu chí Giao thông: Có 369 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 79 xã so với cuối năm 2015, còn 17 xã chưa đạt.

- Tiêu chí Thủy lợi: Có 377 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 121 xã so với cuối năm 2015, còn 09 xã chưa đạt.

- Tiêu chí Điện: Duy trì 386 xã đạt và cơ bản đạt so với cuối năm 2015.

- Tiêu chí Trường học: Có 319 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 48 xã so với cuối năm 2015, còn 67 xã chưa đạt.

- Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa: Có 364 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 88 xã so với cuối năm 2015, còn 22 xã chưa đạt.

- Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố hiện nay ngoài 287 chợ nông thôn còn có các siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi và các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Đến nay, có 350 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 44 xã so với cuối năm 2015, còn 36 xã chưa đạt.

- Tiêu chí Thông tin và Truyền thông: Tiếp tục duy trì 386 xã đạt và cơ bản đạt.

- Tiêu chí Nhà ở dân cư: Duy trì 384 xã đạt và cơ bản đạt so với năm 2015, còn 2 xã chưa đạt (xã Hoàng Văn Thụ và xã Thanh Bình huyện Chương Mỹ).

c) Nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế nông thôn

- Tiêu chí Thu nhập: Có 352 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 58 xã so với cuối năm 2015, còn 34 xã chưa đạt.

- Tiêu chí Hộ nghèo: Có 366 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 55 xã so với cuối năm 2015, còn 20 xã chưa đạt.

- Tiêu chí Lao động có việc làm: Có 385 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 11 xã so với cuối năm 2015, còn 01 xã Ba Vì thuộc huyện Ba Vì chưa đạt.

- Tiêu chí Tổ chức sản xuất: Có 379 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 96 xã so với cuối năm 2015, còn 7 xã chưa đạt.

d) Nhóm tiêu chí về Giáo dục - Y tế - Văn hóa - Môi trường

- Tiêu chí Giáo dục và Đào tạo được quan tâm và chỉ đạo quyết liệt, việc tuyển sinh, việc chống bỏ học, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

để nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù một cách thực chất cho các huyện, thị xã và với cả 3 cấp học. Đến nay có 100% xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo, tăng 8 xã so với cuối năm 2015.

- Tiêu chí Y tế: Công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân từ huyện đến xã tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đến nay có 100% xã đạt và cơ bản đạt, tăng 9 xã so với cuối năm 2015.

- Tiêu chí Văn hóa: Các huyện, thị xã tiếp tục duy trì tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin, tuyên truyền nhân các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm lớn của đất nước và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tập trung tuyên truyền dưới nhiều hình thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đến nay có 336 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 17 xã so với cuối năm 2015, còn 50 xã chưa đạt.

- Tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm: Đến nay có 53% số hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, trong đó các huyện có tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch cao như: Quốc Oai (75%), Gia Lâm (70,7%),... Trên 84% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh; 100% huyện đã có đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tỷ lệ thu gom rác thải trong làng tại các xã đạt 100%. Tỷ lệ hỏa táng đạt gần 60%. Đến nay, có 371 xã đạt và cơ bản đạt, tăng 92 xã so với cuối năm 2015, còn 15 xã chưa đạt.

e) Nhóm tiêu chí về xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh:

Các cấp ủy, chi bộ đảng ở nông thôn đã chú trọng đổi mới phương thức hoạt động, lãnh đạo theo hướng cụ thể, sâu sát, thiết thực đến từng nhiệm vụ, phân công trách nhiệm tới từng cấp ủy để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Cán bộ cơ sở được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Số lượng và chất lượng cán bộ cơ sở được tăng cường. HĐND, UBND cấp xã được kiện toàn theo luật, đảm bảo chặt chẽ, công khai, dân chủ; chất lượng hoạt động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành được nâng cao; trình độ cán bộ được cải thiện, 100% số xã có máy tính kết nối internet.

Hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động; nhiều mô hình, tấm gương điển hình tiên tiến xuất hiện trong các phong trào thi đua sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn. Các đoàn thể đã có nhiều hình thức tuyên truyền, vận động hội viên tích cực thực hiện Chương trình.

Lực lượng công an, quân sự đã phối hợp, chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm an toàn trật tự trên địa bàn Thành phố cũng như ở địa phương. Kịp thời tham mưu với cấp ủy, chính quyền tập trung giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân, trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án.

Đến nay, có 100% xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, tăng 5 xã so với cuối năm 2015. Tiêu chí quốc phòng an ninh có 385 xã đạt và cơ bản đạt, giảm 01 xã so với cuối năm 2015 (xã Đồng Tâm huyện Mỹ Đức chưa đạt) (*Có Biểu số 06A, 06B kèm theo*).

3. Về nâng cao đời sống nông dân

- Đời sống nông dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 43,16 triệu đồng/ người/năm (tăng 10,16 triệu đồng/người/năm so với năm 2015). Đa số các hộ gia đình có nhà kiên cố, khang trang. Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nông dân có nhiều tiến bộ, 100% trạm y tế xã có bác sỹ công tác tại trạm. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn toàn Thành phố đạt 86,06%, trong đó, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tại các huyện, thị xã đạt 83,53%. Có 100% số xã kết nối Internet; hầu hết các hộ có điện thoại.

- Hưởng ứng phong trào thi đua ‘Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau’, các địa phương đã tích cực triển khai nhiều giải pháp giảm nghèo nhanh, bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 3,65% (đầu năm 2016), xuống còn 1,8% (cuối năm 2018). Một số huyện có tỷ lệ hộ nghèo (chưa trừ hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội) thấp như: Quốc Oai 0,46%; Gia Lâm 0,58%; Hoài Đức 0,9%; Thanh Trì 0,99%; Đông Anh 1,15%; Mê Linh 1,49%; Đan Phượng 1,54%...

- Năm 2017, Thành phố tập trung hỗ trợ xây sửa nhà ở cho trên 8.000 người có công với cách mạng. Năm 2018, Thành phố tiếp tục tập trung hỗ trợ xây sửa nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn. Sau 9 tháng triển khai thực hiện, tính đến ngày 15/10/2018, Thành phố đã hoàn thành chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, với 4.166 hộ nghèo được hỗ trợ xây, sửa nhà ở. Kinh phí thực hiện trên 423,5 tỷ đồng.

- Kết quả giải quyết việc làm: Triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường lao động, phát triển sản giao dịch, đẩy mạnh giải quyết việc làm. Từ năm 2016 đến nay, Thành phố giải quyết việc làm cho trên 470.263 lượt lao động; xét duyệt cho vay vốn từ nguồn ngân sách Thành phố ủy thác với số tiền trên 2.442 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 103.866 lao động; đưa 8.800 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tổ chức 457 phiên giao dịch việc làm với 13.935 doanh nghiệp, đơn vị tham gia; 68.221 lao động được tuyển dụng. Quyết định trợ cấp thất nghiệp cho 131.247 người với số tiền 2.107,8 tỷ đồng; quyết định hỗ trợ học nghề cho 5.633 người với số tiền trên 19,6 tỷ đồng. Khai trương và đưa vào hoạt động 08 điểm giao dịch việc làm vệ tinh⁽¹⁾; 05 sản giao dịch việc làm vệ tinh⁽²⁾. Tỷ lệ thất nghiệp chung của Hà Nội năm 2018 chỉ còn 1,91%, tỷ lệ thất nghiệp nông thôn là 1,36%⁽³⁾.

- Kết quả đào tạo nghề: Từ năm 2016 đến nay, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đào tạo cho trên 342.338 lượt người, bình quân đào tạo nghề cho 171.169 lượt người/năm, trong đó: đào tạo nghề cho đối tượng lao động nông thôn

¹ Tại các huyện Ứng Hòa, Hoài Đức, Gia Lâm, Mê Linh, Sóc Sơn và các quận: Nam Từ Liêm, Long Biên

² Tại các huyện: Đông Anh, Ba Vì, Thạch Thất

³ Theo báo cáo của Cục Thống kê ngày 10/10/2018

là 54.048 người. Kinh phí ngân sách bố trí cho công tác đào tạo nghề là 132,26 tỷ đồng. Với kết quả tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp như trên đã từng bước nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 56,93% (năm 2016) lên 63,5% (năm 2018).

4. Công tác hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề và các cơ sở công nghiệp nông thôn

Trong 1.350 làng có nghề trên địa bàn Thành phố, có 305 làng nghề được công nhận: 11 làng nghề sơn mài, khảm trai; 20 làng nghề làm mũ, nón lá; 83 làng nghề mây tre, giang đan; 20 làng nghề làm chế biến nông lâm sản; 29 làng nghề thêu ren; 25 làng nghề dệt may; 09 làng nghề da giày, khâu bóng; 13 làng nghề làm nghề cơ khí; 18 làng nghề chạm điêu khắc; 05 làng nghề đan tơ lưới; 51 làng nghề chế biến nông sản thực phẩm; 08 làng nghề cây sinh vật cảnh và 13 làng nghề thuộc ngành nghề khác (gốm sứ, làm đàn, dát quỳ vàng bạc...).

Tại các làng nghề có 2.063 công ty cổ phần, 4.562 công ty trách nhiệm hữu hạn, 1.466 doanh nghiệp tư nhân, 195 hợp tác xã công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, 175.889 hộ sản xuất kinh doanh, thu hút 739.630 người lao động. Ngoài ra, các làng nghề còn thu hút hàng nghìn lao động nơi khác đến làm việc. Sự phát triển làng nghề kéo theo dịch vụ cung cấp nguyên vật liệu, chuyên chở, kinh doanh hàng hoá, phục vụ ăn uống cho các làng nghề, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Cơ cấu lao động trong công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm từ 75 - 85% trong tổng số lao động, lao động thuần nông chỉ còn từ 15 - 25%. Các làng nghề đã góp phần giải quyết việc làm cho các lao động dôi dư trong quá trình đô thị hoá.

Thu nhập bình quân lao động của các làng nghề và làng nghề truyền thống ngày càng tăng; các quận, huyện có thu nhập bình quân của lao động đạt cao như: Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Hoài Đức, Bắc Từ Liêm, Thạch Thất, Gia Lâm, Đông Anh, Hà Đông,... với trên 50 triệu đồng/người/năm. Một số nghề có thu nhập cao (trên 70 triệu đồng/năm) như gốm sứ, dệt lụa, đồ gỗ gia dụng,... Một số làng nghề có mức thu nhập bình quân của các lao động khá như: Làng nghề truyền thống xôi Phú Thượng, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ đạt 18,5 triệu đồng/người/tháng; làng nghề mây tre đan thôn Thái Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất đạt 11,2 triệu đồng/người/tháng; làng nghề truyền thống nhiếp ảnh thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức đạt 10,8 triệu đồng/người/tháng,... Nhìn chung, thu nhập bình quân lao động làm nghề công nghiệp tiểu thủ công nghiệp cao hơn thu nhập bình của lao động thuần nông.

5. Kết quả hỗ trợ các huyện xây dựng nông thôn mới của các Quận:

Từ năm 2016 đến nay toàn bộ 12 quận thuộc Thành phố đã hỗ trợ các huyện xây dựng nông thôn mới với tổng kinh phí là 421,073 tỷ đồng. Trong đó Quận Thanh Xuân đã bố trí hỗ trợ 04 huyện (Ba Vì, Đông Anh, Thanh Oai, Sóc Sơn) với tổng kinh phí 181 tỷ đồng, tiếp đến là các quận Ba Đình (67 tỷ đồng), Nam Từ Liêm (31,8 tỷ đồng), Hoàng Mai (27,2 tỷ đồng), Long Biên (25 tỷ đồng), Hoàng Mai (25 tỷ đồng),... (có Biểu số 07 kèm theo).

6. Kết quả huy động vốn

Tổng kinh phí huy động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới lũy kế 03 năm là 26.816,4/31.680 tỷ đồng, đạt 85,6% so với kế hoạch, trong đó:

- Vốn Ngân sách Nhà nước là 24.312,6/19.008 tỷ đồng, đạt 127,9% so với kế hoạch; trong đó: Ngân sách Trung ương 58 tỷ đồng; ngân sách Thành phố 10.667,6 tỷ đồng (hỗ trợ trực tiếp: 4.748,7 tỷ đồng, hỗ trợ theo chương trình lồng ghép là 5.918,9 tỷ đồng); Ngân sách huyện 12.782,5 tỷ đồng; Ngân sách xã 804,5 tỷ đồng.

- Vốn huy động ngoài ngân sách Nhà nước là 2.503,8/12.672 tỷ đồng, đạt 19,8% kế hoạch (trong đó đóng góp của nhân dân bằng ngày công lao động trực tiếp, hiến đất làm các công trình công cộng..) là 1.082,7 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp, HTX là 989,6 tỷ đồng; các nguồn vốn khác là 431,5 tỷ đồng (*Có Biểu số 08 kèm theo*).

- Ngoài ra, Thành phố đã bố trí 500 tỷ đồng ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố tạo điều kiện cho các hộ vay vốn phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của người dân. Số liệu tổng hợp trên chưa bao gồm kinh phí đầu tư cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (trên 6.380 tỷ đồng giai đoạn 2016-2018) và các chương trình vốn lồng ghép khác do các sở, ngành thực hiện trên địa bàn các huyện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

1.1. Sản xuất nông nghiệp đạt được những kết quả quan trọng, cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực. Đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh tập trung quy mô lớn có giá trị kinh tế cao; hình thành một số chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở đó xây dựng thương hiệu sản phẩm có chất lượng. Thu nhập và đời sống của nhân dân được nâng lên và cải thiện rõ rệt, an ninh trật tự an toàn xã hội nông thôn được củng cố. Đã quản lý tốt công tác phòng trừ dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi.

1.2. Công tác dồn điền đổi thửa và cấp GCN quyền sử dụng đất cho các hộ nông dân đã được các địa phương vào cuộc quyết liệt. Toàn Thành phố đã dồn điền, đổi thửa đạt 104,2% Kế hoạch, tăng 2.291,3ha so với cuối năm 2015. Đã cấp được 616.704 GCN quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa đạt 99,1%, tăng 61,4% GCN so với cuối năm 2015. Việc đưa cơ giới vào đồng ruộng, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất được tăng cường mạnh hơn; việc củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã được coi trọng, nhiều hợp tác xã, tổ đội sản xuất, hình thức hợp tác mới được hình thành mô hình “4 nhà”, “6 nhà” đi vào thôn, xã và hộ nông dân, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã có tiến bộ rõ rệt; cơ cấu

sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung có hiệu quả kinh tế cao.

1.3. Thành phố có thêm 03 huyện (Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đưa tổng huyện đạt chuẩn nông thôn mới lên 04 huyện; có thêm 96 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đưa tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 297 xã, chiếm 76,9%. Toàn Thành phố đã đạt và cơ bản đạt bình quân 18,19 tiêu chí/xã tăng 0,47 tiêu chí/xã so với 2015.

Hạ tầng kinh tế xã hội khu vực nông thôn được tăng cường; các huyện, thị xã và các xã đã tích cực triển khai thực hiện cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; đường làng, ngõ xóm được kiên cố hóa, hệ thống thoát nước cơ bản đáp ứng yêu cầu; đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, nội đồng đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp; nâng cấp và xây mới các trường học đảm bảo nhu cầu giảng dạy và học tập tại địa phương; xây mới và sửa chữa, mua sắm các thiết bị cho các nhà văn hóa thôn đảm bảo sinh hoạt cộng đồng; cải tạo, nâng cấp, xây mới các trạm y tế đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Hầu hết các tiêu chí về cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội đều tăng so với năm 2015.

1.4. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt, thu nhập của người dân khu vực nông thôn ước đạt 43,16 triệu đồng/người/năm (tăng 10,16 triệu đồng so với năm 2015). Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nông dân có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,06% (vượt 3,26% so với kế hoạch).

2. Hạn chế, tồn tại

2.1. Về phát triển nông nghiệp

- Chuyển đổi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp có nhiều tiến bộ nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô. Sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, tâm lý mạnh dạn đổi mới còn dè dặt.

- Việc thu hút đầu tư vào sản xuất nông nghiệp còn thấp đặc biệt là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn còn là mối lo của người tiêu dùng Thủ đô, các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm chưa nhiều, xuất khẩu còn thiếu đổi mới để thúc đẩy sản phẩm ra nước ngoài.

- Công tác nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, nhất là ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế;

- Chưa xây dựng được nhiều cơ sở giết mổ tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, hiện nay chủ yếu là giết mổ nhỏ lẻ gây khó khăn cho việc thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp còn hạn chế để thu hút được các hộ, các doanh nghiệp đầu tư, nhất là lĩnh vực chế biến nông sản, giết mổ gia súc, gia cầm và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2.2. Về xây dựng nông thôn mới

- Kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các huyện còn chưa đồng đều, một số huyện đã có 100% số xã đạt chuẩn, trong khi một số huyện còn nhiều xã chưa đạt.

- Hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật nông thôn đầu tư còn chưa đồng đều giữa các địa phương và thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất và phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân; hạ tầng về giao thông nông thôn, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất nhiều nơi còn khó khăn, nhất là ở những vùng xa trung tâm; công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý đất đai, vệ sinh môi trường khu vực nông thôn còn nhiều hạn chế.

- Công tác môi trường chưa thực sự được quan tâm đúng mức, đặc biệt là rác thải nông thôn, ô nhiễm môi trường ở một số làng nghề chưa có giải pháp bảo vệ môi trường ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

- Một số chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới chưa bền vững, đặc biệt là tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo; sự đồng bộ, gắn kết với phát triển đô thị và việc đầu tư xây dựng nông thôn mới tại các huyện sắp và đã lên quận còn hạn chế.

- Tiến độ điều chỉnh quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của các xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng còn chậm.

2.3. Về nâng cao đời sống nông dân

- Đời sống và thu nhập của một bộ phận nông dân vùng xa trung tâm, thuần nông, vùng đồng bào dân tộc còn thấp, thiếu ổn định, kinh tế còn khó khăn, như tại các huyện: Ba Vì, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Phú Xuyên.

- Một số huyện tỷ lệ hộ nghèo còn tương đối cao như: Ba Vì 3,2%; Mỹ Đức 2,84%; Chương Mỹ 2,49%; Ứng Hòa 2,44%; Phú Xuyên 2,43%; Phúc Thọ 2,4%; Thanh Oai 2,3%; Thường Tín 2,14%... trong khi tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn 1,8%.

- Chất lượng y tế, giáo dục cơ bản đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Tuy nhiên, chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) tại một số xã còn cao (15-17%) so với tỷ lệ để xã đạt chuẩn nông thôn mới là $\leq 13,5\%$.

- Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch tiêu chuẩn đô thị tại một số huyện còn thấp như: Ứng Hòa 29,5%, Mỹ Đức 32%,... trong khi bình quân khu vực nông thôn của Thành phố đã là 52%. Việc đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là nông dân ở những nơi bị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng nhiều đất nông nghiệp còn chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tăng thêm 10 chỉ tiêu mới, yêu cầu của từng chỉ tiêu cao hơn so với Bộ tiêu chí cũ.
- Sự phát triển của một số địa phương không đồng đều, trình độ dân trí, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần người dân khu vực nông thôn còn chênh lệch lớn so với khu vực nội thành.
- Cơ chế, chính sách trên một số lĩnh vực chưa phù hợp với thực tiễn. Tác động của giá cả, các yếu tố thị trường, thiên tai dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển khu vực nông thôn.
- Hệ thống hạ tầng thủy lợi còn chưa tương xứng, gặp nhiều khó khăn do bị chia cắt bởi các quy hoạch phân khu, quy hoạch chuyên ngành,...
- Đầu tư cho sản xuất nông nghiệp của doanh nghiệp thời gian thu hồi vốn dài, nhiều rủi ro về thiên tai, thời tiết nên nhà đầu tư còn ngần ngại.
- Thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.
- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân trên đơn vị sản xuất thấp và dần bị thu hẹp, khó khăn cho việc hiện đại hóa và xây dựng nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Hệ thống các công trình thủy lợi, đê điều tại một số địa phương bị xuống cấp và chia cắt do quá trình đô thị hóa, làm giảm năng lực phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.
- Một số chủ đất không hợp tác kê khai, một số người đứng tên trên GCN quyền sử dụng đất không có mặt tại địa phương và một số chủ đất đã chết, trong gia đình chưa thỏa thuận được di sản thừa kế, tranh chấp, khiếu kiện, chuyển nhượng không có giấy tờ là nguyên nhân chưa cấp được GCN quyền sử dụng đất nông nghiệp.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật nông thôn một số địa phương còn dãn trải.
- Công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, phương châm, cách làm trong xây dựng nông thôn mới tuy đã được cải tiến nhưng hình thức còn chưa phong phú, một số nơi chưa phát huy được nội lực của địa phương. Công tác dự báo tại một số địa phương còn hạn chế, chưa lường hết được diễn biến phức tạp của tình hình và những khó khăn, thách thức nên việc xây dựng một số nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp còn chưa phù hợp.
- Cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ huyện đến xã đều kiêm nhiệm, phần nào đã ảnh hưởng tới tiến độ, chất lượng công việc.
- Công tác xây dựng nông thôn mới có địa phương còn nặng về thành tích dẫn đến chất lượng chưa cao, việc quy hoạch và triển khai xây dựng nông thôn mới tại một huyện đã và sắp lên quận còn hạn chế.

- Việc chậm có ý kiến thỏa thuận quy hoạch của Sở Quy hoạch Kiến trúc đối với các huyện, thị xã về điều chỉnh quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn và quy hoạch chi tiết trung tâm xã 1/500 đã phần nào ảnh hưởng đến tiến độ so với tiến độ yêu cầu đề ra.

4. Kinh nghiệm bước đầu

4.1. Sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy - HĐND - UBND Thành phố, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ Thành phố tới cơ sở, sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Ban Chỉ đạo Chương trình, UBND Thành phố, các sở, ngành Thành phố, các quận, huyện, thị xã và các xã thường xuyên bám sát cơ sở, nắm bắt tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu đề ra.

4.2. Ngân sách Thành phố đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và dành nguồn lực đáng kể đầu tư cho xây dựng nông thôn mới từ năm 2016 đến nay là 26.816,4 tỷ đồng. Các địa phương tích cực tuyên truyền vận động các Doanh nghiệp và nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng nông thôn mới, từ năm 2016 đến nay là 2.503,8 tỷ đồng. Các quận đã quan tâm, hỗ trợ các huyện xây dựng nông thôn mới với tổng kinh phí là 475,4 tỷ đồng (Từ năm 2016 đến nay là 379,9 tỷ đồng).

4.3. Trình độ lý luận và thực tiễn của cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ Thành phố đến cơ sở được nâng lên rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào đường lối, lãnh đạo chỉ đạo của Đảng và Nhà nước; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

4.4. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quan điểm xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp ủy, chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện, động viên tinh thần để người dân phát huy vai trò chủ thể xây dựng nông thôn mới.

4.5. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”, tiếp tục tăng cường huy động nội thành hỗ trợ ngoại thành và sự góp sức của cộng đồng, dân cư. Phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân, vai trò giám sát, kiểm tra của người dân đối với việc thực hiện các dự án dân sinh trên địa bàn.

4.6. Cấp ủy, chính quyền, MTTQ, đoàn thể các cấp từ Thành phố đến cơ sở xã phải làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; về mục tiêu phấn đấu vì cuộc sống của người dân để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia với tinh thần tự nguyện và trách nhiệm cao.

4.7. Thường xuyên giao ban, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở; giải quyết linh hoạt và đúng nguyên tắc các kiến nghị của địa phương; phân công rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho cơ sở; cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, đồng thời

chú trọng xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay trong phát triển sản xuất, huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

4.8. Công tác bố trí và đào tạo đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cấp cơ sở có vai trò quyết định đến kết quả xây dựng nông thôn mới. Những nơi cán bộ năng lực yếu, mất đoàn kết, thiếu gương mẫu, tâm lý ngại khó, ngại khổ, ngại va chạm cần kịp thời luân chuyển, bố trí cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực để chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Nhìn chung qua 2 năm thực hiện Chương trình, cùng với việc kế thừa kết quả xây dựng nông thôn mới nhiệm kỳ trước; diện mạo nông thôn Hà Nội đã có những thay đổi đáng kể, trong đó nhiều hạng mục có tính đột phá; hạ tầng kinh tế - xã hội khang trang, giao thông thuận lợi, từng bước xây dựng các khu dân cư xanh - sạch - đẹp; các thiết chế văn hoá - thể thao và hệ thống dịch vụ công đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân; thu nhập và đời sống nhân dân ổn định và nâng cao, an sinh xã hội được đảm bảo, an ninh nông thôn được giữ vững. Nhân dân phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN 2020

1. Mục tiêu

1.1. Về phát triển nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và an toàn vệ sinh thực phẩm, phấn đấu tăng trưởng sản xuất nông nghiệp bình quân từ 3,5-4%/năm trở lên; chú trọng phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; phấn đấu đưa tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ 25% lên 35% trở lên trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của Thành phố.

1.2. Về xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các tiêu chí về y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường và thu nhập.

Phấn đấu đến năm 2020 Thành phố có 85% trở lên số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 5% so với mục tiêu của Chương trình), có từ 10-12 huyện, thị xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 02 huyện so với mục tiêu của Chương trình). Hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được đầu tư đồng bộ, đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Hệ thống chính trị vững mạnh; an ninh, trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo.

1.3. Về nâng cao đời sống nông dân

Phấn đấu đến năm 2020, thu nhập của nông dân khu vực nông thôn Thủ đô đạt 49 triệu đồng/người/năm trở lên; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 95%; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn dưới 1,5% (theo tiêu chí mới); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70-75%; tỷ lệ lao động có việc làm sau học nghề đạt từ 80% trở lên; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn đô thị đạt từ 95% - 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở các huyện, thị xã đạt 85% trở lên.

2. Nhiệm vụ giải pháp trọng tâm

Bám sát các chỉ tiêu nhiệm kỳ, đẩy mạnh các nhóm giải pháp đồng bộ, tạo đột phá trong một số mô hình, nâng cao giá trị sản xuất, tạo thương hiệu sản phẩm cho nông nghiệp Thủ đô, tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch, nâng cao thu nhập và đời nông dân đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH Thủ đô và góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII.

2.1. Về phát triển nông nghiệp

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao tạo ra sản phẩm sạch, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái, tạo vành đai xanh, góp phần phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chỉ đạo việc tích tụ ruộng đất trong nông nghiệp, hình thành những cánh đồng sản xuất mẫu lớn theo hướng chuyên canh, thâm canh phù hợp quy hoạch phát triển nông nghiệp Thủ đô.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất, bền vững và an toàn vệ sinh thực phẩm: Triển khai đồng bộ Kế hoạch tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp Thủ đô giai đoạn 2016-2020; tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa vào sản xuất, trọng tâm là sản xuất lúa chất lượng cao, rau an toàn, hoa, cây cảnh, cây ăn quả đặc sản (cam canh, bưởi diễm, nhãn chín muộn, chuối nuôi cấy mô); chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất giống, chăn nuôi bò thịt, bò sữa, nuôi thâm canh thủy sản.

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách của Trung ương và Thành phố đối với sản xuất nông nghiệp: Nghiên cứu và đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách mới phù hợp với tình hình thực tiễn và đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu về phát triển sản xuất nông nghiệp của Chương trình đã đề ra; thường xuyên kiểm tra, định kỳ sơ kết đánh giá, kịp thời đề xuất UBND Thành phố trình HĐND Thành phố điều chỉnh, bổ sung những chính sách không còn phù hợp.

- Tăng cường đào tạo cán bộ chuyên sâu về kỹ thuật nông nghiệp: Tập trung đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên sâu về kỹ thuật nông nghiệp cho cán bộ kỹ thuật và quản lý từ Thành phố đến cơ sở đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản theo chuỗi. Tăng cường tổ chức đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn, tạo thêm việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về nông nghiệp: Tập trung tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; kiểm tra, kiểm soát chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, bảo đảm vệ

sinh an toàn thực phẩm; chất lượng các loại vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi để hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông dân. Ngăn ngừa, xử lý kịp thời, có hiệu quả các vi phạm về đề điều, công trình thủy lợi phục vụ phòng chống thiên tai.

- Rà soát, đánh giá, phân loại, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp: Cần xử lý dứt điểm việc giải thể, chuyển đổi sang loại hình khác đối với 44 hợp tác xã đã ngừng hoạt động. Nâng cao chất lượng hoạt động của 55 hợp tác xã nông nghiệp yếu kém, tập trung chỉ đạo giúp các hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Rà soát, đánh giá, phân loại để chuyển đổi tổ chức hoạt động lại đối với 48 HTX chưa chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoàn thành xong trong năm 2018 theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương và của Thành phố. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển và thành lập mới các hợp tác xã chuyên ngành theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Đẩy mạnh xây dựng các mô hình hợp tác xã liên kết, hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 về thực hiện đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020.

- Tổ chức liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; tăng cường xúc tiến đầu tư, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị; xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã mỗi sản phẩm; tổ chức các hội chợ, triển lãm, chương trình xúc tiến đầu tư, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước; đẩy mạnh quy hoạch, tăng cường giám sát, chứng nhận chất lượng, có chính sách hỗ trợ hệ thống các điểm bán hàng nông sản an toàn tại các siêu thị, chợ, khu dân cư tập trung đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nông sản của nhân dân; hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, liên kết với nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác kiểm dịch động vật, kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác giám sát phòng chống dịch bệnh, đặc biệt bệnh Cúm gia cầm theo chỉ đạo của Trung ương và Thành phố.

- Tiếp tục chú trọng, tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, kịp thời khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

2.2. Về xây dựng nông thôn mới

- Tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới đảm bảo chất lượng, bền vững, đồng bộ, hiệu quả, gắn kết với phát triển du lịch, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hiện đại hóa từng bước kết cấu hạ tầng nông thôn gắn với định hướng phát triển đô thị.

- Tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới còn chưa đạt; đặc biệt các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2018 đến 2020 và một số tiêu chí có số lượng xã còn chưa đạt nhiều như: Trường học 67 xã, Văn hóa 50 xã, Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn 36 xã, Thu nhập 34 xã, Cơ sở vật chất văn hóa 22 xã, Hộ nghèo 20 xã, Môi trường và an toàn thực phẩm 15 xã. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới còn chưa đạt, đặc biệt các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2018 đến 2020: 04 huyện: Gia Lâm (có 9/9 Tiêu chí đã đạt chuẩn, đang hoàn thiện hồ sơ); Phúc Thọ (còn 02 Tiêu chí chưa đạt chuẩn: Giao thông, Môi trường); Quốc Oai (còn 03 Tiêu chí chưa đạt chuẩn: Văn hóa - Y tế - Giáo dục, Giao thông, Môi trường); Thạch Thất (còn 02 Tiêu chí chưa đạt chuẩn: Văn hóa - Y tế - Giáo dục, Môi trường) khẩn trương thực hiện và hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận theo quy định; 04 huyện, thị xã: Mê Linh, Sóc Sơn, Thanh Oai, Sơn Tây tập trung chỉ đạo, thực hiện để đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019, 2020. Các huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định..

- Rà soát toàn bộ các cấp trường để đảm bảo các tiêu chí đạt trường chuẩn quốc gia, đặc biệt là các trường dự kiến đầu tư xây dựng mới giai đoạn 2018-2020 đảm bảo tiến độ, hoàn thành trước năm 2020.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch, đề án xây dựng xã nông thôn mới: Rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và Thành phố; tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch đảm bảo đúng quy định. Hướng dẫn UBND các xã rà soát để bổ sung, điều chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới bảo đảm phù hợp với quy hoạch xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo và tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, nâng cao nhận thức, thống nhất hành động thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 04/7/2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về “Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố cơ sở đảng yếu kém; giải quyết các vấn đề phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội” và Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 16/12/2016 của Thành ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội” nhằm xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn trong sạch, vững mạnh, đảm bảo an ninh nông thôn. Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa phương thức hoạt động, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, đặc biệt là các chi bộ nông thôn. Nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô và đất nước. Quan tâm công tác phát triển đảng viên; củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nông thôn.

- Xây dựng Đề án Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 của thành phố Hà Nội tham mưu UBND Thành phố phê duyệt trong năm 2018.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, MTTQ và

các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cơ sở đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Các quận tiếp tục nghiên cứu quan tâm hỗ trợ các huyện ngoại thành Hà Nội xây dựng nông thôn mới theo quy định, quan tâm các huyện phần đầu hoàn thành huyện nông thôn mới 2018, 2019 và 2020.

2.3. Nâng cao đời sống nông dân

- Nhiệm vụ đột phá về nâng cao đời sống nông dân đến năm 2020 đó là tăng cường công tác đào tạo nghề, nhân cấy nghề; chuyển đổi lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác; thay đổi phương thức sản xuất truyền thống sang sản xuất nông nghiệp áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao.

- Nâng cao chất lượng Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng làng văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa, gia đình văn hóa gắn với việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch văn minh.

- Tăng cường công tác chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình của Thành phố về giảm nghèo, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi,... Hỗ trợ, hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, liên kết đầu tư, mở rộng sản xuất để nâng cao thu nhập.

- Mở rộng sản xuất trong các cụm, điểm công nghiệp, làng nghề nông thôn.

- Hỗ trợ phát triển hệ thống dịch vụ nông thôn, đặc biệt là hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hệ thống dịch vụ nông thôn, từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách đảm bảo an sinh xã hội đối với các gia đình chính sách, các hộ nghèo, cận nghèo khu vực nông thôn. Phần đầu đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1,5% theo tiêu chí mới.

- Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nông dân; Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, hạ tầng thông tin, giải trí, thư viện khu vực nông thôn đáp ứng nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ cho nông dân. Quan tâm đầu tư các công trình vui chơi cho trẻ em, các khu tập luyện, thể dục, thể thao cho nhân dân. Xây dựng làng văn hóa, cơ quan văn hóa; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch việc làm và các điểm giao dịch việc làm vệ tinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Ưu tiên đầu tư cho các trường được lựa chọn là trường chất lượng cao, các nghề trọng điểm. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho phát triển nghề nghiệp. Khuyến khích mạnh mẽ

doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với tiếp nhận, sử dụng lao động. Tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo chất lượng, đạt hiệu quả. Phát triển đa dạng các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tăng cường đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho người khuyết tật.

V. KIẾN NGHỊ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu tham mưu Chính phủ, Quốc Hội sửa đổi Luật Đất đai để tháo gỡ những bất cập trong quản lý, sử dụng đất đai hiện nay; cần có quy định cụ thể về tích tụ, tập trung ruộng đất; có các cơ chế, chính sách thông thoáng trao quyền chủ động cao hơn cho người dân được giao đất, thuê đất tạo điều kiện cho phát triển sản xuất hàng hóa chuyên canh quy mô lớn.

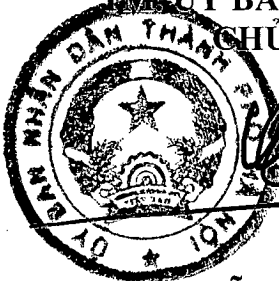
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa công tác dự tính, dự báo nhu cầu thị trường; tăng cường đàm phán với các nước để mở rộng thị trường xuất khẩu cho nông sản Việt Nam.

Trên đây là báo cáo Kết quả 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Phó Bí thư Thường trực Thành ủy;
(để báo cáo)
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



BIỂU SỐ 01. TỔNG HỢP CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

(Kèm theo Báo cáo số 304 /BC-UBND ngày 15 /11/2018 của UBND Thành phố)

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
I	Huyện Mê Linh (18 Mô hình)				
1	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	Hỗ trợ 50% giống, 50% chi phí phòng chống dịch bệnh	100ha	Xã Tam Đồng	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (HTX DVNN) Văn Lôi
2	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn (RAT)	Hỗ trợ 70% chi phí thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) nguồn gốc sinh học	161,7ha	Xã Tiên Phong (90ha), Tiên Thắng (71.17ha)	HTX DVNN Yên Nhân
3	Đề án phát triển, sản xuất hoa cây cảnh	Hỗ trợ 50% giống, 50% chi phí thuốc BVTV	12ha	Xã Văn Khê (12ha)	HTX DVNN Văn Quán
4	Đề án sản xuất và tiêu thụ RAT	Hỗ trợ 50% chi phí thuốc BVTV nguồn gốc sinh học	386ha	Các xã: Tiên Phong (90ha), Tiên Thắng (72ha), Văn Khê (90ha), Tráng Việt (134ha)	HTX DVNN Yên Nhân
5	Vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao chuyên canh tập trung	Hỗ trợ 50% giống, 50% chi phí phòng chống dịch bệnh	203ha	Các xã: Tam Đồng (50ha), Tự lập (50ha), Kim Hoa (53ha), Liên Mạc (50ha)	HTX DVNN Văn Lôi, HTX DVNN Bồng Mạc, HTX DVNN Phú Mỹ
6	Vùng sản xuất hoa, cây cảnh	Hỗ trợ 100% thùng chứa bao bì thuốc BVTV và chi phí thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV	303ha	Các xã: Văn Khê (114ha), Mê Linh (189ha)	HTX DVNN Văn Quán, HTX DVNN Liễu Trì
7	Vùng thủy sản tập trung	Hỗ trợ 50% thuốc khử trùng môi trường ao nuôi, 50% chi phí mua thiết bị làm giàu oxi môi trường ao nuôi không quá 15 triệu đồng/máy	20ha	Xã Tự Lập (20ha)	HTX DVNN Phú Mỹ
8	Đề án cơ giới hóa gieo, cấy, thu hoạch lúa	Hỗ trợ 30% chi phí mua máy gặt đập liên hợp, máy cấy, máy gieo hạt, không quá 75 triệu đồng/máy	1.125ha 33 máy gặt đập liên hợp, 202 máy gieo cấy	Phục vụ 30% diện tích lúa trên toàn huyện	

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
9	Đề án hỗ trợ phát triển cây vụ đông	Hỗ trợ 100% giống khoai tây, đậu tương, chi phí tập huấn, chỉ đạo kỹ thuật...	30ha cây khoai tây, 200ha cây đậu tương	Các xã: Liên Mạc, Vạn Yên, Tiến Thịnh, Tự Lập, Tam Đồng, Thanh Lâm	
10	Đề án hỗ trợ phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2019	- Hỗ trợ 1 lần sau đầu tư hầm Biogas bằng composite cho các trang trại, gia trại nuôi thường xuyên từ 10 con trâu, bò, 10 con lợn sinh sản, 30 con lợn thương phẩm trở lên (hỗ trợ đến 50% chi phí và không quá 4.500.000đ/hầm). - Hỗ trợ 1 lần chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi cho gia cầm, thủy cầm (áp dụng cho các gia trại, trang trại chăn nuôi thường xuyên từ 1.000 con gia cầm, thủy cầm trở lên, 2.000 con chim cút trở lên) (không quá 10kg bột và 15 lít chế phẩm/hộ).	80 hầm Bioga, 600kg bột và 1.500 lít chế phẩm sinh học, 01 công trình xử lý nước thải khu chăn nuôi	Trên toàn huyện	
11	Dự án xây dựng nhãn hiệu tập thể (NHTT) hoa Mê Linh	Hỗ trợ: 100% chi phí xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu; 100% xây dựng hệ thống quản lý và sử dụng NHTT; 100% chi phí quảng bá sản phẩm mang NHTT hoa Mê Linh	Cấp chứng nhận NHTT	Các xã: Mê Linh, Đại Thịnh, Văn Khê	
12	Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa	Hỗ trợ 100% giống, công cấy và 30% vật tư	13ha	Xã Liên Mạc	
13	Sản xuất hoa Hồng thê trên địa bàn huyện	Hỗ trợ 100% gốc hồng thê, 30% vật tư	3.300 cây	Xã Mê Linh	HTX DVNN Hạ Lôi
14	Chăn nuôi gà thả vườn	Hỗ trợ 100% giống, 30% vật tư	5.000 con	Xã Tráng Việt	HTX DVNN Tráng Việt
15	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nuôi cá chất	Hỗ trợ 100% giống, 30% vật tư	900 con	Xã Mê Linh	

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
	lượng cao trắng giòn, chếp giòn				
16	Thí điểm chăn nuôi bò thịt BBB	Hỗ trợ 100% giống, 30% vật tư	20 con	Xã Liên Mạc	
17	Nuôi lợn công nghệ cao	Nuôi lợn công nghệ cao (với hệ thống máng ăn, máng uống tự động, chuồng nuôi có hệ thống làm mát và quạt thông gió vào mùa hè và hệ thống làm ấm vào mùa đông tại các xã: Tráng Việt, Liên Mạc, Tự Lập)	2.500m ²	Các xã: Tráng Việt, Liên Mạc, Tự Lập	
18	Sản xuất hoa, rau công nghệ cao	Sản xuất rau, hoa công nghệ cao trong nhà màng, nhà lưới quy mô 2000m ² tại xã Văn Khê từ nguồn kinh phí tự chủ	2.000m ²	Xã Văn Khê	
II Huyện Gia Lâm (17 Mô hình)					
19	Điểm xử lý phân, chất thải hữu cơ trong chăn nuôi bò sữa chống ô nhiễm môi trường bằng công nghệ nuôi Giun Quế	Ứng dụng công nghệ nuôi Giun Quế xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi bò sữa trên địa bàn xã Phù Đồng	Tổng diện tích khu vực thực hiện: 15,6ha (hiện nay đã đầu tư: 01 nhà xưởng, 50 bể nuôi Giun Quế):	Thôn Phù Dực 2, xã Phù Đồng	Hợp tác xã Phát triển nông nghiệp và Dịch vụ Thương mại Hiệp Thụ

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
20	Trồng hoa lan ứng dụng công nghệ cao nhà màng, nhà lưới	Trồng các loại hoa lan ứng dụng công nghệ cao, hệ thống tưới tự động trong nhà kính	1500m ² ; nhà trồng hoa lan ứng dụng công nghệ cao nhà màng, nhà lưới 2000m ²), đang tiếp tục đầu tư xây dựng 01 nhà xưởng nuôi Giun Quế 1500m ² . Diện tích còn lại trồng cây ăn quả, nuôi thủy sản		
21	Điểm xử lý phân, chất thải hữu cơ trong chăn nuôi bò sữa chống ô nhiễm môi trường bằng công nghệ nuôi Giun Quế	Điểm xử lý phân, chất thải hữu cơ trong chăn nuôi chống ô nhiễm môi trường bằng công nghệ nuôi Giun Quế	8804m ² nhà xưởng xử lý phân, chất thải hữu cơ trong chăn nuôi bò sữa nuôi Giun Quế	Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá	HTX Làng Gióng
22	Chế biến sữa bò	Thu gom, chế biến sữa bò thành phẩm: kem, sữa tươi,...	1746m ² gồm có các nhà xưởng sơ chế, chế biến các sản phẩm từ sữa là 520m ²	Thôn Phù Dực, xã Phù Đồng	HTX chế biến sữa bò tươi Phù Đồng
23	Chăn nuôi bò sữa	Chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao	20 con bò sữa	Thôn Trân Tảo, xã Phú Thị	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Loan

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
24	Chăn nuôi bò sữa	Chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao	100 con bò sữa, 200 con bò thịt	Xã Phù Đồng	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hoạt
25	Chăn nuôi bò sữa	Chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao	15 con bò sữa	Xã Phù Đồng	Hộ gia đình ông Hoàng Đại Dương
26	Chăn nuôi lợn	Chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao	150 lợn nái, 650 lợn thịt	Thôn Hàn Lạc, xã Phú thị	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Mạnh
27	Chăn nuôi trang trại xanh và thân thiện với môi trường	Sản xuất công nghệ cao từ chăn nuôi đến chế biến các sản phẩm từ thịt lợn sinh học	5ha với 400 lợn nái, 2500 lợn thịt	Xã Lệ Chi	Công ty cổ phần Hải Nguyên
28	Tổ hợp giết mổ gia cầm Lan Vinh	Giết mổ gia cầm bán công nghiệp	5200m ²	Xã Yên Thường	Công ty cổ phần thương mại Lan Vinh
29	Sản xuất cây giống	Sản xuất cây giống ứng dụng công nghệ cao	1000m ² với diện tích nhà lưới là 750m ²	Thôn Trung Quan, xã Văn Đức	HTX Công nghệ nông nghiệp Văn Đức
30	Sản xuất rau an toàn	Nhóm hộ có liên kết tiêu thụ sản phẩm rau an toàn theo chuỗi với Công ty cổ phần công nghệ cao An Sinh	50 hộ với 5ha có nhà lưới 750m ² và khu sơ chế sản phẩm rau an toàn quy mô 1800m ²	Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá	Công ty cổ phần công nghệ cao An Sinh
31	Sản xuất rau thủy canh	Sản xuất rau thủy canh ứng dụng công nghệ cao nhà lưới, hệ thống tưới tự động	Quy mô thực hiện là 9456m ² trong đó có 540m ² nhà màng nhà lưới ứng dụng công nghệ cao hệ	Thôn Ngọc Động, xã Đa Tốn	HTX DVTH Đa Tốn

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
			thông tưới tự động		
32	Sản xuất giống và hoa lan nuôi cấy mô	Sản xuất giống và hoa lan các loại có nhà khung thép để nuôi cấy mô cho đến khi ra hoa	1000m ² nhà khung thép tiền chế sản xuất hoa lan các loại nuôi cấy mô	Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ	HTX sản xuất và thương mại Thư Thủy
33	Sản xuất cam canh, cam vinh theo tiêu chuẩn VietGAP	Sản xuất cam canh, cam vinh theo tiêu chuẩn VietGAP	20,2ha sản xuất cam canh, cam vinh theo tiêu chuẩn VietGAP	Thôn Báo Đáp, xã Kiều Ky	Chi hội làm vườn thôn Báo Đáp, xã Kiều Ky
34	Sản xuất cam, chuối, bưởi diễn theo tiêu chuẩn VietGAP	Sản xuất cam, chuối, bưởi diễn theo tiêu chuẩn VietGAP	6,98ha trong đó diện tích trồng chuối là 5,64ha, diện tích bưởi diễn 6200m ² , diện tích cam 7200m ²	Xứ đồng bãi, thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn	HTX sản xuất và dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Gia Lâm

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
35	Trồng chuối Cỏ Bi	Trồng chuối	Diện tích trồng cây ăn quả xã Cỏ Bi là 70ha. Năm 2015 được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu tập thể Chuối Cỏ Bi với 40ha.	Xứ đồng bãi xã Cỏ Bi	HTX DV tổng hợp Cỏ Bi
III Huyện Thường Tín (14 Mô hình)					
36	Nuôi trồng thủy sản	Máy quạt nước tạo oxy và chế phẩm sinh học xử lý môi trường ao nuôi	50ha	Xã Nghiêm Xuyên	Các hộ nuôi trồng thủy sản trong xã
37	Nuôi trồng thủy sản	Máy quạt nước tạo oxy và chế phẩm sinh học xử lý môi trường ao nuôi.	4.2ha	Xã Thư Phú	Các hộ nuôi trồng thủy sản trong xã
38	Nuôi trồng thủy sản cá sông trong ao	Nuôi cá sông trong ao, có áp dụng máy quạt nước tạo oxy và chế phẩm sinh học xử lý môi trường ao nuôi	0,648ha	Xã Tiền Phong	Hộ ông Nguyễn Văn Bảo
39	Sản xuất Rau	Sử dụng chế phẩm sinh học có nguồn gốc sinh học trong công tác BVTV.	171ha	Xã Tân Minh, Thư Phú, Hà Hồi	Các hộ trồng rau của HTX NN Tân Minh, Thư Phú, Hà Hồi
40	Sản xuất rau Thanh Hà	Có nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới tự động, sơ chế và bảo quản; dầm chuối ứng dụng công nghệ cao (Sản xuất rau tiêu chuẩn GAP)	1,1ha	Xã Ninh Sở	Cơ sở Nguyễn Thị Thanh Hà
41	Sản xuất rau, củ quả an toàn	Đang xây dựng nhà lưới, nhà màng	1,2ha	Xã Lê Lợi	Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Gia

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
42	Chuối Tây thái và chuối Tiêu hồng nuôi cấy mô	Sử dụng chế phẩm sinh học trong bảo vệ thực vật và giống nuôi cấy mô	85ha	Xã Tự Nhiên, xã Chương Dương	Các hộ dân
43	Cam canh	Áp dụng công nghệ tưới phun bán tự động	20ha	Xã Tự Nhiên	Các hộ dân
44	Giết mổ lợn Vinh Anh	Giết mổ trên dây truyền bán tự động (Công suất thiết kế 200 con/ giờ, thực tế 100-120 con/ ngày)	200ha	Xã Liên Phương	Công ty TNHH Vinh Anh
45	Giết mổ gia cầm bán công nghiệp theo Dự án LISALF	Giết mổ gia cầm bán công nghiệp	1.200 con/ngày	Xã Lê Lợi	Hộ ông Hoàng Văn Chiêu, Nguyễn Văn Thông
46	Chăn nuôi chuồng kín	Chăn nuôi lợn quy mô lớn theo hệ thống chuồng khép kín, máng ăn, uống tự động, sử dụng các loại thức ăn gia súc đạt tiêu chuẩn	3.1 ha	Các xã: Vân Tảo, Hồng Vân, Thư Phú	Các hộ chăn nuôi
47	Bảo quản giống khoai Tây	Kho lạnh bảo quản giống Khoai tây	80m ² (02 kho lạnh)	Xã Hà Hồi	HTX NN Hà Hồi
48	Bảo quản nông sản Thọ An	Bảo quản Nông sản	300m ²	KCN Quất Động	Công ty TNHH Xã Hội Thọ An
49	Thực hiện cơ giới hóa đồng bộ sử dụng hệ thống máy nông nghiệp công nghệ cao	Sử dụng hệ thống máy nông nghiệp công nghệ cao của hãng Kubota: máy làm đất, máy gieo hạt, máy cấy		Các xã: Quất Động, Minh Cường, Văn Bình	Các cá nhân mua máy

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
IV	Huyện Thanh Oai (9 Mô hình)				
50	Cây ăn quả Kim An (theo hướng VietGAP)	Áp dụng khoa học kỹ thuật (KHKT) theo hướng VietGAP (đã có nhãn hiệu (Cam đường Kim An)	18ha	Thôn Trảng Cát và Tjppm Ngọc Liên xã Kim An	HTX NN Kim An
51	Rau hữu cơ	Ứng dụng KHKT vào sản xuất rau hữu cơ (cả có chứng nhận VietGAP)	2ha	Thôn Song Khê - xã Tam Hưng	Công ty Bắp Cải
52	Chăn nuôi theo hướng VietGAP	Ứng dụng KHKT vào chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm	2.000 con lợn thương phẩm	Xã Đỗ Động	Nguyễn Mạnh Hùng
53	Nếp cái hoa vàng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm (đã có nhãn hiệu)	30ha	Thôn Song Khê, xã Tam Hưng	HTXNN Tam Hưng
54	Mạ khay máy cấy	Áp dụng cơ giới hóa từ gieo mạ đến thu hoạch	20ha	Thôn Sinh Liên, xã Bình Minh	HTXNN Bình Minh
55	Chăn nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học	Ứng dụng KHKT vào chăn nuôi theo tiêu an toàn sinh học	01ha, 02 hộ	Xã Thanh Thù	Hộ chăn nuôi
56	Chăn nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học	Ứng dụng KHKT vào chăn nuôi theo tiêu an toàn sinh học	01ha, 02 hộ	Xã Liên Châu	Hộ chăn nuôi
57	Chăn nuôi gà Ai Cập	Ứng dụng KHKT vào chăn nuôi theo tiêu an toàn sinh học	5.000 con, 11 hộ	Xã Đỗ Động	Hộ chăn nuôi

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
58	Chăn nuôi gà Ai Cập	Ứng dụng KHKT vào chăn nuôi theo tiêu an toàn sinh học	5.000 con, 11 hộ	Xã Liên Châu	Hộ chăn nuôi
V	Huyện Đông Anh (8 Mô hình)				
59	Sản xuất rau hữu cơ	Sản xuất rau hữu cơ	01ha	Xã Tiên Dương	HTX sản xuất rau hữu cơ Tiên Dương
60	Sản xuất rau an toàn	Sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ tưới Israel	0,5ha	Xã Liên Hà	Ông Nguyễn Minh Chuyên
61	SX rau an toàn	Sản xuất rau an toàn, diện tích 6000m ² , 2000m ² nhà màng lắp hệ thống tưới theo công nghệ Israel	0,6ha, 0,2ha nhà màng tưới theo CN Israel	Xã Đại Mạch	HTX Sông Hồng
62	Trang trại lợn giống, thịt	Nuôi 500 lợn nái ngoại, 200 con lợn thương phẩm	500 lợn nái ngoại, 200 thương phẩm	Xã Tiên Dương	Ông Đinh Văn Đoàn
63	Trang trại lợn giống, thịt	Nuôi 400 lợn nái ngoại, 500 lợn thương phẩm	400 lợn nái ngoại, 500 lợn thương phẩm	Xã Tiên Dương	Ông Nguyễn Văn Minh
64	Trang trại lợn giống, thịt	Nuôi 400 lợn nái ngoại, 500 lợn thương phẩm	400 lợn nái ngoại, 500 lợn thương phẩm	Xã Uy Nỗ	Ông Dương Văn Phong
65	Cung cấp gà giống	Nuôi 15.000 con gà siêu trứng, 10.000 gà thương phẩm. 18 lò ấp với công suất 2 vạn quả/mẻ/lò, hàng năm cung cấp 1,2 triệu gà con cho các tỉnh thành miền Bắc.	15 vạn gà siêu trứng, 10 vạn gà thương phẩm	Tiên Dương	Ông Nguyễn Văn Hiệu,

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
66	Cung cấp gà giống	Nuôi 25.000 gà sinh sản siêu trứng. 27 lò ấp với công suất 2 vạn quả/mẻ/lò, hàng năm cung cấp 1,8 triệu gà con cho các tỉnh thành cả nước.	25 vạn gà sinh sản siêu trứng, 27 lò ấp	Xã Liên Hà	Ông Hoàng Minh Ngọc
VI	Huyện Phúc Thọ (8 Mô hình)				
67	Nông trại sinh thái	Dự án nông trại chia sẻ tự bền vững theo hướng sinh thái tổng hợp công nghệ cao kết hợp du lịch - giáo dục	15ha	Xã Hát Môn	Công ty TNHH nông trại chia sẻ SHAREFARM
68	Rau an toàn	Sản xuất rau các loại	0,2ha	Xã Thanh Đa	Bà Nguyễn Thị Hương
69	Chăn nuôi lợn	Chăn nuôi lợn thịt	7.000 con	Xã Cẩm Đình	ông Ngô Xuân Cường
70	Sơ chế trứng gia cầm	Sơ chế trứng gia cầm	2ha	thị trấn Phúc Thọ	Công ty TNHH Ba Huân
71	Rau an toàn, rau hữu cơ	Sản xuất rau an toàn, rau hữu cơ	3ha	Xã Cẩm Đình	Công ty CP thực phẩm hữu cơ BQ
72	Rau an toàn	Sản xuất rau các loại	0,5ha	Xã Thanh Đa	Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu rau chất lượng cao Việt Phúc
73	Rau an toàn	Sản xuất rau các loại	3,9ha	Xã Hát Môn	Công ty TNHH MTV Lam Sơn sản xuất rau VietGAP tại Hát Môn
74	Trồng cỏ và rau hữu cơ	Trồng cỏ Alfalfa và sản xuất rau hữu cơ	50ha	Xã Xuân Phú	Công ty Greentek Vision
VII	Huyện Đan Phượng (8 Mô hình)				
75	Sản xuất giống và hoa lan Hồ Điệp	Sản xuất giống hoa và hoa lan Hồ Điệp có nhà khung thép tên chế để nuôi cây mô, sản xuất giống hoa lan Hồ Điệp là 661m ² để sản xuất 02 triệu cây giống; diện tích nhà màng kính là 4.500m ² để sản xuất 50.000 cây giống cho các cơ	25.000m ²	Khu bãi Đáy, xã Phương Đình, huyện Đan Phượng	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim Dung

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
		sở nuôi trồng đến khi ra hoa và 20.000 cây nuôi trồng tại cơ sở đến khi ra hoa.			
76	Sản xuất giống và hoa lan Hồ Điệp	Sản xuất 640.000 cây giống và 610.000 cây thương phẩm	Tổng diện tích 50.000m ² trong đó 4.000m ² nhà kính sản xuất giống, 16.000m ² sản xuất giống, thương phẩm trong nhà màng	Khu Trại Nái, thị trấn Phùng	HTX Đan Hoài
77	Sản xuất nấm	Sản phẩm chủ yếu là nấm ăn, nấm dược chất lượng cao	7.979m ²	Xứ đồng Bãi Non, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng	HTX nấm Nghĩa Minh
78	Sản xuất rau hữu cơ	Sản phẩm rau hữu cơ	Tổng diện tích 45.800m ² trong đó 4.000m ² nhà màng lưới, 41.800m ² sản xuất ngoài tự nhiên	Xứ đồng bãi tổng màu xã Đan Phượng	Hộ ông Nguyễn Đăng Quý (Đăng Thị Quế) xã Đan Phượng
79	Sản xuất rau hữu cơ	Sản phẩm rau hữu cơ	Tổng diện tích 25.000m ² trong đó 3.500m ² nhà màng lưới	Đất bãi sông Hồng, xã Thọ Xuân	Hộ ông Trần Văn Bảy
80	Trồng rau hữu cơ	Sản phẩm rau hữu cơ	1.200m ² nhà màng lưới	Xứ đồng Vòng, xã Song Phượng	HTX Song Phượng

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
81	Trồng rau an toàn	Sản phẩm rau an toàn	23.000m ² trong đó: 4.500m ² nhà màng lưới, 18.500m ² sản xuất ngoài tự nhiên	Xứ đồng Bãi Nổi, thôn Thống Nhất, xã Song Phượng	Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (Viện Nghiên cứu Ngô)
82	Nấm xã Hạ Mỗ	Sản phẩm nấm ăn	0,11ha	Xứ đồng Mèo, cụm 8, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	Bà Bùi Thị Hiền, cụm 8, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội
VII I	Huyện Sóc Sơn (9 Mô hình)				
83	Sản xuất đu đủ theo tiêu chuẩn VietGAP	Hỗ trợ 50% giống, thực hiện sản xuất theo quy trình VietGAP	40ha	Xã Nam Sơn	HTX NN&KĐTH Nam Sơn
84	Sản xuất chuối tiêu hồng theo tiêu chuẩn VietGAP	Hỗ trợ 50% giống, thực hiện sản xuất theo quy trình Vietgap	20ha	Xã Nam Sơn	HTX NN&KĐTH Nam Sơn
85	Sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP	Hỗ trợ 50% giống, thực hiện sản xuất theo quy trình VietGAP	140ha	Xã Bắc Sơn	HTX nông lâm nghiệp Bắc Sơn
86	Sản xuất rau hữu cơ	Hỗ trợ 50% thuốc BVTV thảo mộc, sản xuất theo quy trình hữu cơ, hỗ trợ vật tư làm nhà lưới (0.425ha)	37,5ha	Các xã: Thanh Xuân, Đông Xuân, Hiền Ninh, Tân Dân	HTX rau hữu cơ Bái Thượng, HTX NN rau hữu cơ Thanh Xuân...
87	Sản xuất rau an toàn VietGAP	Hỗ trợ vật tư làm nhà lưới (0,28ha), đầu tư kho lạnh (60m ³)	25,28ha	Xã Đông Xuân	HTX SX KĐTH Đông Xuân
88	Sản xuất hoa, nấm	Nhà lưới 2,1ha; kho lạnh 50m ³ (sản xuất hoa 2,5ha); Hỗ trợ 100% khay nhựa, lọ nhựa chuyên dụng cho sản xuất 01ha nấm (bao gồm 40.000 lọ nhựa, 2.500 khay nhựa)	07ha	Các xã: Xuân Giang, Minh Trí, Minh Phú, Hiền Ninh	HTX Hoa Lợi, HTX NN &KĐTH Minh Trí, Công ty CP SX&TM KMS
89	Sản xuất cây dược liệu	Hỗ trợ 100% vật tư, lưới chuyên dụng làm nhà lưới chuyên dụng	01ha	Xã Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
90	Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi gà đẻ trứng	Chăn nuôi gà trong chuồng kín, kiểm soát được dịch bệnh, hiệu quả cao	31.000 con	Các xã: Bắc Sơn, Xuân Thu, Bắc Phú, Phú Cường, Minh Trí	Hộ dân
91	Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi lợn thịt	Toàn bộ chất thải chăn nuôi được xử lý bằng biogas, men vi sinh hoặc dùng công nghệ ép phân khô	6.000 con	Các xã: Việt Long, Bắc Phú, Phú Minh, Minh Trí	Hộ dân
IX	Huyện Thanh Trì (6 Mô hình)				
92	Sản xuất Rau Thủy Canh	Trồng các loại rau ăn lá, cây ăn quả ngắn ngày (cà chua, dưa lưới, dưa leo) trên diện tích 5000m ² , trong đó 2.300m ² nhà màng khung thép sử dụng hệ thống quạt đối lưu không khí, lưới cắt nắng cảm biến nhiệt tự động đóng mở; mái che phủ nylon, bao quanh bằng hệ thống lưới chắn côn trùng; hệ thống pha chế dinh dưỡng và máng thủy canh. Mô hình cho doanh thu dự kiến khoảng 01tỷ/năm, lãi bình quân 200 triệu đồng/năm, tạo công ăn việc làm cho 03 lao động với thu nhập bình quân 5 triệu đồng/tháng. UBND Huyện bố trí ngân sách hỗ trợ 50% kinh phí làm nhà kính công nghệ cao và lắp đặt hệ thống thủy canh, chuyển giao công nghệ sử dụng dinh dưỡng	5.000m ²	Xã Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	Ông Nguyễn Mạnh Hồng xã Yên Mỹ
93	Nhóm hộ trồng rau hữu cơ có liên kết tiêu thụ sản phẩm	Sản xuất các loại rau theo phương pháp hữu cơ không sử dụng phân bón vô cơ và các thuốc BVTV hóa học; liên kết tiêu thụ sản phẩm với công ty Anstcom, cho doanh thu 105 triệu/năm, tạo việc làm cho 02 lao động, UBND huyện hỗ trợ 100% kinh phí mua giống rau trong 2 năm	01ha	Thôn Đại Lan, xã Duyên Hà	Ông Nguyễn Văn Minh xã Duyên Hà và Công ty Anstcom

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
94	Nhóm hộ có liên kết tiêu thụ sản phẩm rau an toàn theo chuỗi	Sản xuất nhóm hộ có liên kết tiêu thụ sản phẩm rau an toàn theo chuỗi với HTX An Phát tại xã Yên Mỹ, xã Duyên Hà với 39 hộ trên diện tích hơn 02ha, các hộ sản xuất theo kế hoạch của Công ty, Công ty thu mua theo giá đã thỏa thuận, HTX An Phát đã được cấp giấy xác nhận chuỗi thực phẩm an toàn	2,2ha	Xã Yên Mỹ, xã Duyên Hà	Các hộ nông dân xã Yên Mỹ, xã Duyên Hà và HTX An Phát
95	Thực hiện cơ giới hóa đồng bộ	Mô hình cơ giới hóa đồng bộ sử dụng hệ thống máy nông nghiệp công nghệ cao của hãng Kubota: Máy sản xuất giá thể công suất: 01 tấn/giờ; Máy gieo hạt tự động công suất: 800 khay/giờ; Máy cấy động cơ công suất: 5 - 6ha/ngày; Máy gập đập liên hợp công suất: 01ha/giờ; giảm chi phí sản xuất, tạo thêm khâu dịch vụ cho các HTX, tạo thêm việc làm cho các xã viên HTX, giảm sức lao động. Doanh thu dự kiến của HTX khoảng 140 triệu đồng/năm, lãi suất bình quân 30 triệu đồng/năm. UBND huyện hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc từ khâu gieo hạt đến cấy, 80% kinh phí mua giống lúa và 100% kinh phí chuyển giao kỹ thuật sản xuất giá thể mạ khay	45ha	Xã Vĩnh Quỳnh, xã Đại Áng	HTX Vĩnh Ninh, HTX Đại Áng, HTX Vĩnh Trung

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
96	Trồng nấm công nghệ cao	Áp dụng công nghệ của Nhật với diện tích 2.000m ² trong trang trại 03ha: Sử dụng các vật liệu cách nhiệt để làm vách và mái nhà trồng nấm, kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm bằng hệ thống tủ robot chạy dọc theo các dãy nhà; áp dụng công nghệ men vi sinh để kiểm soát dịch bệnh tại các nhà trồng nấm; xử lý nước mặt ao nuôi thủy sản để sản xuất nấm. Sản lượng nấm bình quân cung cấp cho thị trường ước đạt 13 tấn/tháng cho doanh thu đạt 650 triệu đồng/tháng, tạo công việc làm cho 20 lao động địa phương, thu lãi bình quân ước đạt 35 triệu đồng/tháng.	2.000m ²	Xã Vĩnh Quỳnh	Hộ cá nhân thực hiện
97	Chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP	Nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Đại Áng với diện tích 2,16ha. Hộ thực hiện mô hình có liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty thực phẩm Song Đạt (giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung xã Vạn Phúc) hình thành chuỗi thực phẩm thịt lợn an toàn. Hộ sản xuất đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP	1.200 lợn thương phẩm và 150 lợn nái	Xã Đại Áng	Hộ cá nhân thực hiện
X	Huyện Phú Xuyên (8 Mô hình)				
98	Măng tây xanh	Sử dụng nguồn giống nhập nội, trồng trên vùng đất bãi ven sông Hồng. Một số diện tích áp dụng đồng bộ các khâu từ làm đất, chăm sóc. Có sử dụng trồng trong nhà màng và áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm. Doanh thu khoảng 1,3-1,9 tỷ/ha, trừ mọi chi phí, mỗi năm HTX có thể thu lãi 500 - 900 triệu/năm trên 01ha.	5,0ha	Xã Hồng Thái	HTX xã Rau quả Hồng Thái

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
99	Chăn nuôi lợn nái, lợn thịt	Sử dụng chuồng kín, nuôi lợn nái và lợn thành phẩm, uống nước, máng ăn bán tự động; quy mô: 2000 lợn thịt và 400 lợn nái; sản lượng thịt: 460 tấn.	7,9ha	Xã Châu Can	Hộ ông Cao Minh Tuệ
100	Chăn nuôi lợn nái, lợn thịt	Nuôi lợn nái và lợn thành phẩm chuồng kín, uống nước, máng bán tự động. Quy mô: 1.500 lợn thịt và 300 lợn nái; sản lượng thịt: 340 tấn	2,1ha	Xã Phúc Tiến	HTX chăn nuôi Minh Tuấn
101	Nuôi lợn thịt	Sử dụng chuồng kín, nuôi lợn thịt, uống nước, máng ăn tự động. Quy mô: 1.500 con; sản lượng thịt: 300 tấn	3,5ha	Xã Quang Lăng	Hộ ông Đinh Văn Bắc
102	Chăn nuôi lợn hậu bị	Sử dụng chuồng kín, nuôi lợn giống; hệ thống uống nước, máng ăn tự động. Quy mô: 1.000 con	1,8ha	Xã Tân Dân	Hộ ông Nguyễn Phú Dũng
103	Trồng dưa lưới và cà chua cherry	Tổng diện tích trang trại 3,4ha, trong đó diện tích áp dụng công nghệ cao là 1.500m ² (xây dựng nhà màng có ứng dụng công nghệ kiểm soát khí hậu và công nghệ tưới, cung cấp chất dinh dưỡng tự động, sử dụng khò diệt cỏ bằng gas, sử dụng máy làm đất đa năng,...)	3,4ha	Xã Minh Tân	Hộ ông Trương Công Hộ
104	Trồng nấm sò	Tổng diện tích 1,6ha, chủ cơ sở đầu tư được 01 lò hấp công suất 2.000 bịch/lần hấp, 01 nồi hơi, 01 máy trộn, 01 băng truyền, 01 máy bơm rom; sản phẩm là nấm Sò	1,6ha	Xã Nam Triều	HTX NN Phú Triều

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
105	Trồng nấm mộc nhĩ	Chủ cơ sở đã đầu tư được 01 lò hấp công suất 25.000 bịch/lần hấp, 01 nồi hơi, 01 máy đóng bịch, 01 máy nghiền mùn cưa, 01 xe vận chuyển, 02 máy bơm nước; sản phẩm là nấm Sò và nấm Mộc nhĩ	0,5ha	Xã Tân Dân	HTX NN Phú Tân
XI	Huyện Thạch Thất (5 Mô hình)				
106	Trang trại Hoa viên	Nuôi lợn rừng, sản xuất rau hữu cơ, rau bản địa cho các siêu thị	12ha	Thôn Dục, xã Yên Bình	Công ty TNHH khai thác tiềm năng sinh thái Hòa Lạc
107	Nấm	Chuyên sản xuất và chế biến đông trùng hạ thảo và nấm linh chi	01ha	Xã Đại Đồng	
108	Thung lũng ngọc Linh	Ứng dụng công nghệ cao sản xuất và chế biến đông trùng hạ thảo, nấm linh chi và các sản phẩm rau hữu cơ theo phương pháp thủy canh		Thôn Trại Mới, xã Tiến Xuân	
109	Rau Hữu cơ	Ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau hữu cơ	15ha	Xã Yên Trung	
110	Hoa lily và trồng hoa đồng tiền chậu	Trồng hoa lily và trồng hoa đồng tiền chậu trong nhà kính	12ha	Xã Đại Đồng	
XII	Huyện Quốc Oai (5 Mô hình)				
111	Trồng và thâm canh chè - xã Hòa Thạch	Diện tích chè được trồng tập trung chủ yếu ở khu vực Nông trường chè Long Phú khoảng 200ha. Năm 2016 mô hình trồng và thâm canh chè với diện tích 25ha được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu tập thể "Chè Long Phú - Quốc Oai". Đề xuất Thành phố hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà sơ chế, chế biến, máy xao sấy chè và hệ thống đóng gói tự động	200ha	Thôn Long Phú, xã Hòa Thạch	HTX Chè Long Phú

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
112	Chăn nuôi công nghệ cao xã Cấn Hữu	Trên cơ sở quy hoạch vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đã được UBND Huyện phê duyệt, UBND xã Cấn Hữu đã quy hoạch khu trang trại chăn nuôi tập trung, trong đó có 83 hộ tham gia Hội chăn nuôi; các hộ chăn nuôi lợn nái, gà đẻ trứng. Áp dụng công nghệ vi sinh, nuôi trong chuồng kín, có hệ thống xử lý môi trường, đã hình thành chuỗi sản xuất lợn sinh học (HTX Đồng Tâm). Đề xuất Thành phố hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng đường đi, đường điện cấp cho khu chăn nuôi, xây dựng lò mổ tập trung và chuỗi sản phẩm an toàn	55,3ha	Thôn Cấn Thượng, xã Cấn Hữu	Chi Hội chăn nuôi
113	Trồng cây ăn quả xã Yên Sơn, xã Đại Thành và xã Sài Sơn	Diện tích trồng cây ăn quả xã Đại Thành là 106,35ha, chủ yếu trồng nhãn chín muộn, năm 2015 được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu tập thể Nhãn chín muộn Đại Thành; năm 2016 xuất khẩu được 05 tấn sang thị trường Malaysia; diện tích trồng cây ăn quả xã Yên Sơn là 126,6ha, chủ yếu trồng bưởi diễm, cam canh, ổi Đài Loan, diện tích trồng cây ăn quả xã Sài Sơn là 187,2ha, chủ yếu trồng các loại cây bưởi diễm, cam V2, ổi Đài Loan.	232,95ha	Xã Đại Thành, xã Yên Sơn và xã Sài Sơn	Các hộ
114	Bò sữa xã Phượng Cách	Chăn nuôi bò sữa thực hiện theo chuỗi an toàn của Trung tâm phát triển chăn nuôi Hà Nội. Đề xuất Thành phố hỗ trợ cơ giới hóa vào sản xuất, máy trộn thức ăn, máy vắt sữa	300 con	Xã Phượng Cách	Các hộ chăn nuôi

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
115	Trồng rau an toàn các xã: Nghĩa Hương, Yên Sơn, Tân Phú	Trên cơ sở định hướng quy hoạch phát triển mạng lưới SX rau an toàn trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, UBND huyện lập quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chung vùng SX RAT xã Tân Phú với kinh phí 16,5 tỷ đồng xây dựng nhà sơ chế, trạm cấp nước tập trung phục vụ SX rau. Năm 2016 UBND huyện phê duyệt Kế hoạch phát triển vùng SX RAT trong đó đã hỗ trợ xã Tân Phú xây dựng 1,5ha nhà lưới và xã Nghĩa Hương xây dựng 02ha nhà lưới. Diện tích rau hiện đang SX của xã Tân Phú là 36ha, xã Nghĩa Hương là 20ha, xã Yên Sơn là 27,7ha. Các loại rau chủ yếu là rau ăn lá, đậu trắng, su hào, cà chua... Hình thức tổ chức SX: Các HTX quản lý điều hành SX, sản phẩm SX được tiêu thụ tại các chợ nông thôn	31,2ha	Các xã: Nghĩa Hương, Yên Sơn, Tân Phú	HTX Nghĩa Hương, HTX Yên Sơn và HTX Tân Phú
XIII	Huyện Ứng Hòa (04 Mô hình)				
116	Rau sạch	Trồng rau sạch trong nhà màng kính	5,000m ²	Thôn Vĩnh Thượng, xã Sơn Công	HTX nông nghiệp Vĩnh Thượng
117	Trồng dưa lưới	Trồng dưa lưới trong nhà kính	3,000m ²	Thôn Phù Lưu Hạ, xã Phù Lưu	Hộ Nguyễn Phúc Bách, xã Phù Lưu
118	Chăn nuôi lợn	Tự động hóa trong chăn nuôi	2,246 tấn/năm	Thôn Nội Xá, xã Vạn Thái	HTX Hòa Mỹ, xã Vạn Thái
119	Thủy sản	Nuôi cá truyền thống bằng mô hình sông trong ao	15 sông	Xã Trầm lộng xã Liên Bạt	4 hộ gia đình tại xã Trầm Lộng và 02 hộ tại xã Liên Bạt

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
XIV	Huyện Chương Mỹ (02 Mô hình)				
120	Sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao	Sản xuất rau trong nhà lưới với hệ thống tưới tiết kiệm, kiểm soát và quy trình sản xuất VietGAP. Rau được sản xuất quanh năm giá trị tăng 50% so với sản xuất rau tháng đạt 120.000.000 đồng/ha	1,1ha	Thôn Giáp Ngọ, thị trấn Chúc Sơn	HTX rau quả sạch Chúc Sơn
121	Nuôi cá ứng dụng công nghệ cao	Tạo các sông trong ao với hệ thống tạo dòng chảy và sục khí, nuôi các với mật độ cao. Năng suất đạt 80 tấn/ha (tăng 6-8 lần so với nuôi thông thường), giá trị 3,5 tỷ đồng/ha, lợi nhuận ước đạt 0,4 tỷ đồng/ha, chất lượng cá thịt ngon hơn, giá cao hơn	5,2ha	Xã Ngọc Hòa	Nhóm Liên kết sản xuất cá sạch
XV	Huyện Ba Vì (02 Mô hình)				
122	Sản xuất Rau an toàn Chu Minh	Ứng dụng công nghệ KHKT sản xuất Rau an toàn	05ha	Thôn Chu Quyên, xã Chu Minh	HTX nông nghiệp Chu Quyên và Công ty Ra Vì
123	Sản xuất Chè an toàn theo quy định VietGAP	Ứng dụng KHCN để sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP	10ha	Xã Ba Trại	UBND xã, Hội nông dân xã Ba Trại
XVI	Thị xã Sơn Tây (01 Mô hình)				
124	Trồng rau CNC Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng	Áp dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp từ Nhật Bản trồng và phát triển các loại như: Giống rau an toàn: cải ngọt, cải bẹ xanh lá mỡ...; Giống dưa lưới ruột vàng, ruột xanh... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay chuyên trồng dưa lưới 03 vụ/năm, mỗi vụ cho thu hoạch khoảng 10.000 quả	- Tổng diện tích xây dựng: 8.000 m ² , trong đó: 4.000 m ² nhà màng, còn lại là nhà kho, sân vườn...	Thôn Trại Láng, xã Cổ Đông	Công ty cổ phần PAN FARM

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
XVII	Huyện Hoài Đức (01 Mô hình)				
125	Sản xuất rau an toàn	Sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP trong nhà lưới	1,5ha	Thôn Tiên Lệ, xã Tiên Yên	HTX nông nghiệp Tiên Lệ
XVIII	Huyện Mỹ Đức (01 Mô hình)				
126	Sản xuất Nấm Kim châm	Nhà máy sản xuất Nấm Kim châm công nghệ Nhật Bản, công suất hiện tại 1,5 tấn nấm/ngày, công suất tối đa đạt 3,0 tấn/ngày. Giải quyết cho 25 lao động với mức lương từ 3,5-7 triệu đồng/người/tháng. Hiện nay, Công ty chỉ phân phối cho 02 đơn vị: Công ty Thực phẩm lý tưởng Việt Nam cho thị trường miền Bắc và 1 đơn vị ở TP Hồ Chí Minh. Dự kiến sẽ bán cho các nhà phân phối vào cửa hàng rau sạch, nhà hàng trung - cao cấp, một số siêu thị như Aeon, Vinmart.	03 tấn/ngày	Thôn Đốc Kính, xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức	Công ty TNHH XKN Kinoko Thanh Cao

BIỂU SỐ 02: TỔNG HỢP MÔ HÌNH LIÊN KẾT CHUỖI TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số ~~304~~ /BC-UBND ngày ~~15~~ /11/2018 của UBND Thành phố)

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
I	Huyện Gia Lâm (18 mô hình)				
1	Rau an toàn	Liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	05ha với 50 hộ nông dân	Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá	Công ty cổ phần công nghệ cao An Sinh
2	Rau an toàn	Liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	15ha với các hộ nông dân trong tổ nhóm PGS	Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá	Công ty chế biến thực phẩm Nhân Hòa
3	Rau an toàn	Liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	20ha	Xã Văn Đức	HTX sản xuất KDDV nông nghiệp xã Văn Đức thu mua cung cấp cho 04 Doanh nghiệp và 02 siêu thị Aeon Mall và Metro
4	Chuối	Liên kết sản xuất và tiêu thụ chuối	3,2ha với 5 hộ nông dân	Thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn	Công ty CP sản xuất chế biến thực phẩm sạch Lương Tài
5	Cam	Liên kết sản xuất và tiêu thụ Cam	05ha với 02 hộ dân	Xã Kim Sơn	
6	Ổi Đông Dư	Liên kết sản xuất và tiêu thụ Ổi Đông Dư	0,5ha	Xã Đông Dư	Siêu thị Fivimart
7	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi, Cung cấp cho Công ty Hanoimilk	37 hộ nông dân	Thôn Hạ, xã Dương Hà	Ông Nguyễn Đức Dư
8	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	45 hộ nông dân	Thôn Hạ, xã Dương Hà	Công ty TNHH Nguyễn Hồng và Vinamilk
9	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi, cung cấp cho Công ty IDP	140 hộ nông dân	Thôn Phù Dực, xã Phù Đồng	Ông Vũ Quyết Thắng
10	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi, cung cấp cho Công ty IDP và Công ty Hanoimilk	110 hộ nông dân	Thôn Phù Dực, xã Phù Đồng	Ông Hoàng Hương Dương

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
11	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi, cung cấp cho Công ty Vinamilk	85 hộ nông dân	Thôn Phù Đồng 3, xã Phù Đồng	Ông Nguyễn Văn Thảo
12	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi, cung cấp cho Công ty Vinamilk	150 hộ nông dân	Thôn Phù Đồng 1, xã Phù Đồng	Ông Vũ Văn Thực
13	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi, cung cấp cho Công ty Vinamilk	40 hộ nông dân	Xã Trung Mậu	Ông Đới Đăng Quyết
14	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi	Thu gom tiêu thụ sữa bò tươi, cung cấp cho Công ty Vinamilk	40 hộ nông dân	Thôn Hàn Lạc, xã Phú Thị	Nguyễn Mạnh Dũng
15	Nuôi Giun Quế	Ứng dụng công nghệ nuôi Giun Quế xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi bò sữa trên địa bàn xã Phù Đồng	50 bể nuôi Giun Quế với diện tích nhà xưởng 1500m ²	Thôn Phù Dực 2, xã Phù Đồng	HTX Phát triển nông nghiệp và Dịch vụ Thương mại Hiệp Thu
16	Nuôi Giun Quế	Ứng dụng công nghệ nuôi Giun Quế xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi xã Đặng Xá	8804m ² nhà xưởng nuôi Giun Quế	Thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá	HTX Làng Gióng
17	Hoa lan	Sản xuất và thương mại hoa lan giá trị cao, cung cấp thị trường trên toàn quốc	1.000m ² nhà màng, nhà lưới sản xuất hoa lan nuôi cấy mô	Thị trấn Trâu Quỳ	HTX sản xuất và thương mại Thu Thủy
18	Sản xuất rau thủy canh	Sản xuất rau thủy canh ứng dụng công nghệ cao nhà lưới, hệ thống tưới tự động, cung cấp cho các cửa hàng rau sạch trên địa bàn Thành phố	9456m ² trong đó có 540m ² nhà màng nhà lưới ứng dụng công nghệ tưới tự động	Thôn Ngọc Động, xã Đa Tốn	HTX Dịch vụ tổng hợp Đa Tốn
II	Huyện Đông Anh (14 mô hình)				
19	HTX DVTH Liên Hà	Sản xuất nông nghiệp, dịch vụ trong nông nghiệp	200ha	Liên Hà	Cửa hàng Thực phẩm an toàn

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
20	HTX DVNN thôn Lỗ Giao	Sản xuất nông nghiệp, dịch vụ trong nông nghiệp	100ha	Thôn Lỗ Giao xã Việt Hùng	Siêu thị Mart
21	HTX DVNN Đạo Đức	Sản xuất rau an toàn	30ha	Xã Vân Nội	Xuất sang Nhật
22	HTX Sông Hồng	Sản xuất rau an toàn, công nghệ cao	0,3ha	Thôn Mạch Lũng xã Đại Mạch	Liên hiệp HTX Sông Hồng
23	HTX DVNN Ba Chũ	Sản xuất rau an toàn	40ha	Xã Vân Nội	Công ty Hải Anh
24	HTX Khải Hưng	Sản xuất rau an toàn	40ha	Xã Nam Hồng	Siêu thị Metro
25	HTX DV NN Quan Âm	Sản xuất rau an toàn	30ha	Xã Bắc Hồng	Siêu thị Big C
26	Trang trại Lê Anh Đào	Sản xuất con giống gia cầm	37600 m ²	Liên Hà	Ông Lê Anh Đào
27	Trang trại gà	Nuôi gà đẻ trứng và gà thương phẩm	11103 m ²	Liên Hà	Ông Đỗ Nguyên Chuyên
28	Trang trại thủy cầm	Nôi vịt đẻ	14,040 m ²	Thụy lâm	Ông Nguyễn Đình Trung
29	Trang trại lợn	Sản xuất lợn giống	72,000 m ²	Tiên Dương	Ông Đinh Văn Đoàn
30	Trang trại tổng hợp	Sản xuất lợn giống, thủy sản, trứng gà	50,345 m ²	Tiên Dương	Ông Nguyễn Đăng Bảy
31	Trang trại gà	Sản xuất gà giống	16910 m ²	Tiên Dương	Ông Nguyễn Văn Hiệu
32	Trang trại gà	Sản xuất gà giống, trứng gia cầm	10,100 m ²	Liên Hà	Ông Hoàng Minh Ngọc
III	Huyện Sóc Sơn (9 mô hình)				
33	Chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoa nhài an toàn	Hỗ trợ 1 phần phân bón, thuốc BVTV, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm.	148ha	Các xã: Phù Lỗ, Đông Xuân, Bắc Phú	Hiệp hội hoa nhài Sóc Sơn
34	Chuỗi tiêu thụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm bưởi diễm an toàn Sóc Sơn	Hỗ trợ một phần tập huấn, KHKT, xúc tiến thương mại, kinh phí in tem nhãn	40ha	Các xã: Phú Cường, Phú Minh, Tiên Dược...	Hội làm vườn Sóc Sơn
35	Chuỗi tiêu thụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chè an toàn Bắc Sơn	Hỗ trợ một phần giống, vật tư, thuốc BVTV, tập huấn, KHKT, xúc tiến thương mại	250ha	Bắc Sơn, Xuân Giang, Trung Giã	HTX nông lâm nghiệp xã Bắc Sơn

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
36	Chuỗi sản phẩm rau hữu cơ Sóc Sơn	Hỗ trợ tập huấn KHKT, xúc tiến thương mại, kinh phí in tem nhãn, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm.	37,5ha	Các xã: Thanh Xuân, Đông Xuân, Hiền Ninh, Tân Dân	Hội nông dân Sóc Sơn
37	Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa lê siêu ngọt Đông Xuân	Hỗ trợ tập huấn KHKT, xúc tiến thương mại, kinh phí in tem nhãn, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm.	30ha	Xã Đông Xuân	HTX Sản xuất DV Đông Xuân
38	Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ ớt kim an toàn, ớt an toàn Hotchili xuất khẩu	Hỗ trợ 50% màng che phủ nilon (ớt kim an toàn), 100% giống, tập huấn KHKT, xúc tiến thương mại, kinh phí in tem nhãn, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm.	35ha	Các xã: Đông Xuân, Quang Tiến, Trung Giã, Hiền Ninh, Minh Phú	HTX Sản xuất DV Đông Xuân, HTX SXTM&KĐTH Minh Phú
39	Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dược liệu hữu cơ	Hỗ trợ một phần giống, vật tư, nhà lưới, tủ sấy, tập huấn KHKT, xúc tiến thương mại, kinh phí in tem nhãn, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm.	17,5ha	Các xã: Bắc Sơn, Xuân Giang, Trung Giã, Tiên Dược, Minh Trí	Tổ tư vấn phát triển xây dựng liệu huyện Sóc Sơn, Nhóm hộ sản xuất dược liệu Minh Trí, Tiên Dược
40	Chuỗi chăn nuôi - tiêu thụ thịt lợn an toàn sinh học	Giám sát quá trình chăn nuôi đảm bảo đúng quy trình an toàn, tư vấn hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, xử lý dịch bệnh, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm.	150 con	Xã Nam Sơn	Nhóm hộ sản xuất
41	Chuỗi sản phẩm gà đồi Sóc Sơn	Giám sát quá trình chăn nuôi đảm bảo đúng quy trình an toàn, tư vấn hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, xử lý dịch bệnh, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm.	40.000 con	Các xã: Nam Sơn, Bắc Sơn, Minh Phú, Minh Trí, Hồng Kỳ	Hội chăn nuôi tiêu thụ gà đồi Sóc Sơn
IV	Huyện Quốc Oai (9 mô hình)				
42	HTX chăn nuôi Anh Tú xã Đông Yên	Chuyên cung cấp thịt, trứng gia cầm sạch theo Chuẩn VietGAP	01ha	Thôn Yên Thái xã Đông Yên	HTX Chăn nuôi

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
43	Sản xuất miến rong tại xã Cộng Hòa	Chuyên cung cấp miến rong ra thị trường	500m ²	Xã Cộng Hòa	Hộ gia đình ông Vương Xuân Thảo
44	Chăn nuôi công nghệ cao xã Cán Hữu	Trên cơ sở quy hoạch vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đã được UBND huyện phê duyệt. UBND xã Cán Hữu đã quy hoạch khu trang trại chăn nuôi tập trung. Trong đó có 83 hộ tham gia Hội chăn nuôi; các hộ chăn nuôi lợn nái, gà đẻ trứng. Mô hình chăn nuôi được áp dụng áp dụng công nghệ vi sinh, nuôi trong chuồng kín, có hệ thống xử lý môi trường. Đã hình thành chuỗi sản xuất lợn sinh học (HTX Đồng Tâm). Đề xuất UBND thành phố hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đường đi và xây dựng đường điện cấp cho khu chăn nuôi, xây dựng lò mổ tập trung và xây dựng chuỗi sản phẩm an toàn	55,3ha	Thôn Cán Thượng xã Cán Hữu	Chi Hội chăn nuôi
45	Cung cấp rau, củ quả sạch thôn Yên Nội xã Đồng Quang	Chuyên cung cấp rau, củ, quả sạch	04ha	Xã Đồng Quang	Hộ gia đình Đỗ Hữu Dự
46	Sản xuất chè búp tại 02 HTX nông nghiệp: Long Phú và Hòa Phú	Chuyên sản xuất và cung cấp chè búp	50ha	Xã Hòa Thạch	HTX nông nghiệp
47	Cung cấp rau, củ, quả và các loại giống cây trồng	Chuyên sản xuất rau, củ, quả sạch và cung cấp các loại giống cây trồng	08ha	Xã Phú Cát	HTX
48	Cung cấp thịt gia súc, gia cầm sạch	Chuyên chăn nuôi gia súc, gia cầm theo công nghệ sinh học và chuẩn VietGAP	01ha	Xã Thạch Than	HTX Chăn nuôi Thạch Thán

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
49	Bò sữa xã Phụng Cách	Mô hình bò sữa thực hiện theo chuỗi an toàn của Trung tâm phát triển chăn nuôi Hà Nội. Đề xuất UBND thành phố hỗ trợ cơ giới hóa vào sản xuất, máy trộn thức ăn, máy vắt sữa	300 con	Xã Phụng Cách	Các hộ chăn nuôi
50	Cung cấp, rau củ quả sạch, thịt trứng sạch	Kênh cung cấp sản phẩm sạch ra thị trường		Thị trấn Quốc Oai	HTX Nông sản an toàn Quốc Oai
V	Huyện Mỹ Đức (8 mô hình)				
51	Liên kết sản xuất cây dược liệu	Sản phẩm: Cây dược liệu. Hình thức liên kết: Công ty Đông ty Đông Nam Dược Bảo Long cung thuê đất, tự tổ chức canh tác, thu hoạch sản phẩm; HTX nông nghiệp An Mỹ cho thuê đất, thực hiện các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.	2,2ha	Xã An Mỹ	HTX nông nghiệp An Mỹ với Công ty Đông Nam Dược Bảo Long
52	Liên kết sản xuất một số giống lúa thuần chất lượng cao	Sản phẩm: Lúa giống. Hình thức liên kết: Công ty CP giống cây trồng Việt Nam hỗ trợ giống ban đầu, phổ biến quy trình kỹ thuật về canh tác một số giống lúa thuần chất lượng cao và thu mua sản phẩm sau khi thu hoạch; HTX nông nghiệp Mỹ Thành tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật của Công ty, thực hiện các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết. Năng suất: 45 tấn/vụ (1 năm 2 vụ).	8,0ha	Xã Mỹ Thành	HTX nông nghiệp Mỹ Thành với Công ty CP giống cây trồng Việt Nam
53	Liên kết sản xuất cây dược liệu	Sản phẩm: Cây cà gai leo. Hình thức liên kết: Công ty dược phẩm Tuệ Linh thuê đất, thuê nhân công, tổ chức sản xuất cây dược liệu; HTX nông nghiệp Mỹ Thành là đại diện thuê đất của các thành viên của hợp tác xã và cho Công ty dược phẩm Tuệ Linh thuê lại để sản xuất, cung cấp	13,5ha	Xã Mỹ Thành	HTX nông nghiệp Mỹ Thành với Công ty dược phẩm Tuệ Linh

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
		nguồn lao động làm việc cho Công ty, thực hiện các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết. Năng suất: 48,6 tấn (khô)/vụ (1 năm 3 vụ).			
54	Liên kết sản xuất đậu tương giống	Sản phẩm: Hạt đậu tương. Hình thức liên kết: Trung tâm Phát triển cây trồng Hà Nội cung cấp và hỗ trợ 35% các yếu tố đầu vào để sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật) và thu mua sản phẩm; HTX nông nghiệp Hợp Tiến. Có tối thiểu 10ha, nhân công, lao động để sản xuất. Năng suất: 20 tấn/vụ (1 năm 1 vụ).	10,0ha	Xã Hợp Tiến	HTX nông nghiệp Hợp Tiến với Trung tâm Phát triển cây trồng Hà Nội
55	02 mô hình liên kết nuôi lợn	Hình thức liên kết: Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam đầu tư con giống, thức ăn, quy trình kỹ thuật nuôi, kinh phí xây dựng cơ bản, tiêu thụ sản phẩm. Người dân liên kết: Đầu tư mặt bằng để chăn nuôi, nhân công chăm sóc theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Số lượng sản phẩm: Mô hình tại xã Phù Lưu Tế: 1.200 lợn lái, 4.500 lợn thịt/lứa.+ Mô hình tại xã An Mỹ: Nuôi lợn hậu bị mỗi lứa 6.000 con.	13,0ha (xã An Mỹ: 5,0ha, xã Phù Lưu Tế: 8,0ha)	Xã An Mỹ và xã Phù Lưu Tế	Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam với hộ dân
56	Liên kết sản xuất lúa giống	Sản phẩm: Lúa giống. Hình thức liên kết: Công ty CP giống cây trồng Trung ương hỗ trợ giống ban đầu, phổ biến quy trình kỹ thuật về canh tác một số giống lúa thuần chất lượng cao và thu mua sản phẩm sau khi thu hoạch; HTX nông nghiệp Lê Thanh, Hồng Sơn tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật của Công ty,	Xã Hồng Sơn: 200ha; xã Lê Thanh 20ha	Xã Hồng Sơn và xã Lê Thanh	Công ty CP giống cây trồng Trung ương

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
		thực hiện các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết. Năng suất: 65 tạ/ha/vụ (1 năm 2 vụ).			
57	Liên kết sản xuất lúa giống	Sản phẩm: Lúa giống. Hình thức liên kết: Công ty CP giống cây trồng Việt Nam hỗ trợ giống ban đầu, phổ biến quy trình kỹ thuật về canh tác một số giống lúa thuần chất lượng cao và thu mua sản phẩm sau khi thu hoạch; HTX nông nghiệp Xuy Xá tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật của Công ty, thực hiện các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết. Năng suất: 61 tạ/ha/vụ (1 năm 2 vụ).	20ha	Xã Xuy Xá	Công ty CP giống cây trồng Việt Nam
58	Liên kết sản xuất lúa giống	Sản phẩm: Lúa thương phẩm J02. Hình thức liên kết: HTX Đoàn Kết hỗ trợ giống ban đầu, phổ biến quy trình kỹ thuật về canh tác một số giống lúa thuần chất lượng cao và thu mua sản phẩm sau khi thu hoạch, HTX nông nghiệp Đại Hưng tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật của Công ty, thực hiện các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết. Năng suất: 65 tạ/ha/vụ (1 năm 2 vụ).	60ha	Xã Đại Hưng	HTX nông nghiệp Đại Hưng với HTX Đoàn Kết
VI	Huyện Chương Mỹ (7 mô hình)				
59	Sản xuất rau an toàn gắn với phát triển chuỗi giá trị phát triển chuỗi giá trị	HTX rau sạch Chúc Sơn ký hợp đồng liên kết tiêu thụ với 20 đơn vị. Sản lượng tiêu thụ 600 tấn/năm. Nông dân thu nhập 30 triệu/sào (800 triệu/ha)	15ha	Thị trấn Chúc Sơn	HTX rau quả sạch Chúc Sơn
60	Sản xuất gạo hữu cơ	Sản xuất 225 tấn lúa hữu cơ, bán ra thị trường gần 100 tấn gạo hữu cơ, giá bán bình quân 32 triệu đồng/tấn, giá trị thu	40ha	Xã Đồng Phú	HTX nông nghiệp Hữu cơ Đồng Phú

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
		nhập 01ha sản xuất lúa hữu cơ đạt 172 triệu/ha/năm, lãi từ 80 - 100 triệu/ha.			
61	Sản xuất bưởi hữu cơ	Thu 01 tỷ đồng/năm	05ha	Xã Nam Phương Tiến	Nhóm hộ trồng bưởi hữu cơ Nam Phương Tiến
62	Chăn nuôi gà đẻ trứng	HTX Nam Việt ký hợp đồng liên kết tiêu thụ với 10 đơn vị. Sản lượng tiêu thụ 13 triệu quả trứng/năm		Xã Lam Điền	HTX chăn nuôi Nam Việt
63	Chăn nuôi gà thả vườn hướng sinh học	Công ty CP Tiên Viên liên kết tiêu thụ với tổ hợp tác nuôi gà thả vườn Trần Phú. Sản lượng 10.000 con/năm	10.000 con	Xã Trần Phú	Tổ hợp tác nuôi gà thả vườn Trần Phú
64	Chăn nuôi gia công lợn	Các hộ nuôi gia công cho Công ty CP, Công ty Japa	74.500 con, 9.500 con	Các xã: Lam Điền, Đông Sơn, Thanh Bình	Công ty CP, Công ty Japa
65	Chăn nuôi gia công gà	Các hộ nuôi gia công cho Công ty CP, Công ty Japa, Công ty Goldenstar	865.000 con, 44.000 con, 28.500 con	Các xã: Lam Điền, Đông Sơn, Thanh Bình	Công ty CP, Công ty Japa, Công ty Goldenstar
VII	Huyện Phúc Thọ (6 mô hình)				
66	Rau	Liên kết sản xuất rau an toàn	110ha	Các xã: Thanh Đa, Xuân Phú, Thọ Lộc	Doanh nghiệp liên kết với HTX và nông dân
67	Lúa, gạo	Liên kết sản xuất lúa gạo	1800ha	Các xã: Hát Môn, Ngọc Tảo, Phụng Thượng, Phúc Hòa...	Doanh nghiệp liên kết với HTX và nông dân
68	Chuối	Liên kết sản xuất tiêu thụ chuối	100ha	Xã Vân Nam	Doanh nghiệp liên kết với HTX và nông dân
69	Bưởi	Liên kết sản xuất tiêu thụ bưởi	50ha	Xã Vân Hà	Doanh nghiệp liên kết với HTX và nông dân
70	Sữa	Liên kết tiêu thụ sữa	365000 lít/năm	Xã Long Xuyên, xã Phụng Thượng	Doanh nghiệp liên kết nông dân có sự tham gia của các chủ thể khác

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
71	Chăn nuôi lợn sinh học	Liên kết tiêu thụ lợn nuôi bằng thức ăn sinh học	1000 con	Thọ Lộc, Cẩm Đình	Doanh nghiệp liên kết nông dân có sự tham gia của các chủ thể khác
VIII	Huyện Thạch Thất (6 mô hình)				
72	Chuỗi lúa hàng hóa chất lượng cao	Chuỗi liên kết sản xuất lúa chất lượng cao dùng giống Bắc thơm số 7 kháng bạc lá	30ha		HTX NN Khánh Thượng, HTX NN Kim Quan, HTX NN Bình Phú A, HTX NN Chàng Sơn, HTXNN Hữu Bằng, HTX NN Ngoại Kim
73	Chuỗi thực phẩm sạch 3F	Sản xuất và bảo tồn giống lợn rừng, chế biến lương thực, thực phẩm thịt, lợn, gà, trứng	28,8ha	Xã Tiến Xuân	Trang trại nông nghiệp sinh thái công nghệ cao 3ECO
74	Sản xuất rau an toàn theo chuỗi	Sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu dùng rau an toàn	10ha	Xã Hương Ngải	HTX nông nghiệp Hương Ngải
75	Sản xuất rau hữu cơ theo chuỗi	Sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu dùng rau hữu cơ	12ha	Xã Yên Bình	Trang Trại Hoa Viên
76	Sản xuất đu đủ	Liên kết sản xuất tiêu thụ đu đủ	10ha	Xã Dị Nậu	HTX NN Dị Nậu
77	Sản xuất lợn Hương	Liên kết sản xuất tiêu thụ lợn Hương	150 con lợn nái, duy trì 300 con lợn thương phẩm	Xã Bình Yên	Trang trại Sen Tri
IX	Huyện Thường Tín (5 mô hình)				
78	Sản xuất, chế biến trà chùm ngây	Trồng, sơ chế chế biến trà tràm ngây, 200m ² khu sơ chế, chế biến; 2,5ha trồng cây chùm ngây	200	Xã Hồng Vân	Các xã viên trong HTX DV hoa cây cảnh Hồng Vân
79	Cơ sở giết mổ Mạc Mạnh Tường	Giết mổ gia cầm, chợ Hà Vỹ, Công ty CP	1.300 con/ngày	Xã Lê Lợi	Cơ sở vệt 29
80	Cơ sở giết mổ gia cầm Hoàng Văn Chiểu	Giết mổ gia cầm, thu mua gia cầm của các hộ để giết mổ, sơ chế bán cho các	700 con/ngày	Xã Lê Lợi	Công ty XNK Nông sản VN, Công ty TNHH TP Nguyên Phong, Công ty An Việt

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
		Công ty Thành phố cung cấp cho các trường học, bếp ăn tập thể			
81	Sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn Global Gap	Sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn Global Gap	1,2ha	Xã Lê Lợi	Công ty TNHH nông nghiệp Hoàng Gia
82	Sản xuất rau an toàn tiêu chuẩn VietGAP	Sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP (Cơ sở Thanh Hà VietGAP)	1,7ha	Xã Ninh Sở	Siêu thị CP Greentech
X	Huyện Ứng Hòa (21 mô hình)				
83	Rau an toàn	Sản xuất rau an toàn	20ha	Thôn Vĩnh Thượng xã Sơn Công	HTX An Việt
84	Chăn nuôi lợn		2,3 tấn/năm	HTX Hòa Mỹ, Vạn Thái	Greenfish Aufish CP
85	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	265,95ha	Xã Quảng Phú Cầu	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
86	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	346,53ha	Hòa Phú	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
87	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	39,7ha	Tảo Dương Văn	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
88	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	113,65ha	Trường Thịnh	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
89	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	123,75ha	Minh Đức	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
90	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	77,4ha	TT Vân Đình	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
91	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	74,93ha	Hòa Nam	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
92	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	72ha	Sơn Công	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
93	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	225,8ha	Hồng Quang	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
94	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	102,6ha	Đội Bình	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
95	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	177,4ha	Hoa Sơn	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
96	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	205,8ha	Phù Lưu	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
97	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	54,24ha	Hòa Xá	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
98	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	94ha	Lưu Hoàng	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
99	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	39,6ha	Đại Cường	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
100	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	38,53ha	Viên An	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
101	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	143,44ha	Vạn Thái	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
102	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	11,04ha	Phương Tú	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
103	Lúa J02	Sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	78,76ha	Liên Bạt	HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết
XI	Huyện Mê Linh (3 mô hình)				
104	Xây dựng chuỗi sản xuất rau an toàn	Hỗ trợ xây dựng Wedside, nhãn mác, test kid, sổ bút ghi chép, phân tích mẫu đất, mẫu nước, xúc tiến thương mại	10ha	Thôn Đông Cao, xã Tráng Việt	Hộ sản xuất trong vùng 10ha và các doanh nghiệp tiêu thụ, các siêu thị
105	Liên kết với doanh nghiệp trong việc tiêu thụ nông sản của HTX Thái Hà)	Xây dựng hệ thống kênh tiêu thụ sản phẩm	8ha	Thôn Bạch Trữ, xã Tiến Thắng	HTX Thái Hà và hệ thống các siêu thị
106	Sản xuất chuối tây theo hướng hữu cơ	Sản xuất chuối xuất khẩu theo hướng hữu cơ	30ha	Thôn Hoàng Xá, Xã Hoàng Kim	Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
XII	Huyện Thanh Oai (3 mô hình)				
107	Chuỗi thực phẩm an toàn A-Z	Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm, đã có nhãn hiệu	4.000 con lợn	Thôn Chi Lễ xã Tân Ước	HTX Hoàng Long
108	Chuỗi trứng vịt Liên Châu	Giám sát quá trình chăn nuôi đảm bảo quá trình an toàn, tư vấn kỹ thuật chăn nuôi, xử lý dịch bệnh, liên kết bao tiêu đầu ra sản phẩm, đã có nhãn hiệu tập thể	42 hộ	Xã Liên Châu	Hộ sản xuất trứng vịt Liên Châu
XIII	Huyện Phú Xuyên (5 mô hình)				
109	Liên kết chăn nuôi lợn thịt	Doanh nghiệp đầu tư con giống, kỹ thuật thức ăn, tiêu thụ sản phẩm; nông dân bố trí mặt bằng, xây dựng chuồng trại. Quy mô: 1.500 con, sản lượng thịt hơi tiêu thụ: 300 tấn	3,5ha	Xã Quang Lãng	Hộ ông Đinh Văn Bắc liên kết với Công ty RTD
110	chăn nuôi lợn hậu bị	Doanh nghiệp đầu tư con giống, kỹ thuật thức ăn, tiêu thụ sản phẩm; nông dân bố trí mặt bằng, xây dựng chuồng trại. Quy mô: 1.100 con; sản lượng thịt hơi tiêu thụ: 220 tấn	1,8ha	Xã Tân Dân	Hộ ông Nguyễn Phú Dũng liên kết với Công ty CP
111	Liên kết tiêu thụ rau an toàn xã Minh Tân	HTX sản xuất rau theo quy trình kỹ thuật đảm bảo an toàn và cung cấp cho Công ty tiêu thụ. Sản lượng tiêu thụ khoảng: 01 tấn/ tháng	5,0ha	Xã Minh Tân	HTX rau an toàn Minh Tân liên kết với Công ty CP Vinh Hà
112	Chuỗi liên kết thịt lợn sinh học	HTX thực hiện quy trình sản xuất theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất giống cho đến giết mổ và tiêu thụ sản phẩm, quy mô: 500 lợn thịt và lợn lái: 50 con.	0,5ha	Xã Hồng Thái	HTX Nông nghiệp tổng hợp Toàn Thắng
113	Liên kết sản xuất lúa chất lượng cao J02	Doanh nghiệp đầu tư giống, quy trình kỹ thuật và thu mua sản phẩm theo giá thỏa thuận	30ha	Thị trấn Phú Xuyên	HTX nông nghiệp Đại Đồng

TT	Tên mô hình	Tóm tắt nội dung chính	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện
XIV	Huyện Ba Vì (3 mô hình)				
114	Rau an toàn		6,23ha	Xã Chu Minh	Công ty TNHH Ra Vi
115	Sữa Ba Vì			Xã Vân Hòa, Yên Bài	Công ty CP sữa Ba Vì, Công ty CP sữa IDP
XV	Huyện Hoài Đức (3 mô hình)				
116	Chuỗi sản xuất rau an toàn có sự tham gia PGS	Liên kết sản xuất tiêu thụ rau An toàn	31ha	Thôn Tiên Lệ xã Tiên Yên	HTX Tiên Lệ- Công ty TNHH Liên An; Công ty TNHH Gia Hưng; Công ty TNHH Invifarm
117	Kiểm tra cộng đồng trong sản xuất RAT (áp dụng hệ thống đảm bảo PGS giữa người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng năm 2018)	Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ có sự tham gia của các bên: người tiêu dùng, Công ty phân phối, cơ quan quản lý nhà nước	40ha	Xã Vân Côn	HTX Vân Côn - Trạm Bảo vệ thực vật - Công ty TNHH Liên Anh
XVI	Thị xã Sơn Tây (1 mô hình)				
118	Hội Chăn nuôi và Tiêu thụ gà Mía Sơn Tây	Thực hiện các hoạt động sản xuất con giống, chăn nuôi gà thương phẩm, gà thịt sơ chế bao gói cấp đông đưa ra thị trường. Hoạt động chuỗi còn gặp nhiều khó khăn, chưa đi vào chiều sâu. Sản phẩm gà thịt đưa ra thị trường vẫn chưa được nhiều, chủ yếu là gà lông bán buôn cho thương lái.	26 hội viên với sản lượng khoảng 90.000 con/năm. Gà bố mẹ khoảng 65.000con/năm. Gà thương phẩm khoảng 25.000 con/năm	Các thành viên thuộc hội phân bố tại các xã: Đường Lâm, Xuân Sơn, Kim Sơn, Cổ Đông	Các thành viên thuộc hội Chăn nuôi và tiêu thụ gà Mía Sơn Tây và một số nhà hàng khách sạn trên địa bàn thị xã

BIỂU SỐ 03. KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG VẬT NUÔI SAU DÒN ĐIỀN ĐỔI THỬA
(Kèm theo Báo cáo số 304 /BC-UBND ngày 15 /11/2018 của UBND Thành phố)

TT	Tên huyện, thị xã	Diện tích chuyển đổi (ha)								
		Tổng	Rau an toàn	Cây ăn quả	Hoa, cây cảnh	Chăn nuôi xa khu dân cư	Nuôi trồng thủy sản	Lúa chất lượng cao	Mô hình VAC, VACR...	Khác
1	Ba Vì	5.241,5	260,0	50,0		1,5	760,0	4.000,0	170,0	
2	Mê Linh	18,5	-	6,7	-	0,3	9,1		2,5	-
3	Mỹ Đức	138,6	-	56,7	41,9	6,5	-		30,3	3,1
4	Phú Xuyên	2.830,6	241,6	178,6	7,1	51,8	445,5	400,0	1.506,1	-
5	Thị xã Sơn Tây	94,9	11,2	16,4	5,5	1,6	2,5	56,6	1,0	-
6	Thạch Thất	161,2	25,1	58,9	7,8	6,4	30,2	18,3	1,2	13,2
7	Thanh Oai	3.260,1	110,2	394,2	2,6	51,1	593,1	2.000,0	5,0	104,0
8	Thường Tín	710,7	112,1	37,7	21,0	67,4	270,7		201,8	-
9	Đông Anh	1.963,3	668,4	473,0	306,4	-	165,6		-	350,0
10	Ứng Hòa	2.550,1	124,0	191,6	95,0	17,0	1.745,8	376,7	-	-
11	Chương Mỹ	244,9	7,0	80,9			3,4		77,7	75,8
12	Đan Phượng	1.309,8	185,4	254,5	472,0	10,9				387,07
13	Hoài Đức	2.544,9	119,8	1.513,2	212,7	-	-		-	699,3
14	Phúc Thọ	1.005,0	215,0	270,0	140,0	55,0	170,0		155,0	-
15	Quốc Oai	2.746,1	132,9	1.575,3	-	350,1	338,0		-	349,8
16	Sóc Sơn	8.334,7	485,0	1.170,0	51,2	16,0	-	6.600,0	12,5	-
17	Thanh Trì	511,0	105,0	150,0	-	6,8	201,0	30,0	-	25,0
18	Gia Lâm	218,3	0,02	63,0	8,2	-	11,6	76,2	5,8	53,4
Tổng		33.884,0	2.802,7	6.540,6	1.371,4	635,5	4.746,5	13.557,8	2.168,9	2.060,7

BIỂU SỐ 04. KẾT QUẢ DÒN ĐIỀN ĐỔI THỪA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN QUÝ III/2018
(Kèm theo Báo cáo số 3M /BC-UBND ngày 15/11/2018 của UBND Thành phố)

TT	Tên huyện	Kế hoạch ĐDDT của Thành phố giao (ha)	Kết quả dòn điền đổi thừa lũy kế từ		Diện tích đất dôi dư sau ĐDDT (ha)	Diện tích ĐDDT vượt so với kế hoạch TP giao (ha)	Diện tích ĐDDT chưa xong so với kế hoạch TP giao (ha)	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)				Số Giấy chứng nhận cần cấp	Số Giấy chứng nhận đã cấp	Tỷ lệ (%)	Số Giấy chứng nhận chưa cấp xong
1	Ba Vì	4.652,0	5.659,6	121,7	206,0	1.007,6		40.022	39.957	99,84	65
2	Ứng Hòa	5.602,8	6.533,7	116,6		930,9		159.422	159.422	100,00	-
3	Sơn Tây	1.004,5	1.078,5	107,4	52,9	74,0		6.884	6.884	100,00	-
4	Sóc Sơn	10.126,2	10.845,0	107,1	932,6	718,8		31.924	30.664	96,05	1.260
5	Thường Tín	4.302,2	4.546,2	105,7	70,7	244,0		24.288	24.288	100,00	-
6	Phú Xuyên	8.607,4	9.060,0	105,3	67,2	452,6		45.396	44.878	98,86	518
7	Thạch Thất	2.100,2	2.171,8	103,4	25,6	71,6		12.539	12.539	100,00	-
8	Thanh Oai	5.102,5	5.175,6	101,4	83,2	73,1		32.072	31.310	97,62	762
9	Chương Mỹ	10.443,5	10.521,8	100,8	106,8	78,4		45.558	43.957	96,49	1.601
10	Phúc Thọ	3.685,1	3.707,6	100,6		22,5		25.534	25.534	100,00	-
11	Mê Linh	3.280,0	3.280,0	100,0	203,0	-	-	16.130	15.510	96,16	620
12	Quốc Oai	4.350,1	4.350,1	100,0	20,5		-	44.173	44.173	100,00	-
13	Thanh Trì	816,9	816,9	100,0		-	-	8.488	8.488	100,00	-
14	Đan Phượng	16,9	16,9	100,0				71.339	70.821	99,27	518
15	Mỹ Đức	7.513,9	7.486,0	99,6	68,3		27,9	39.025	38.737	99,26	288

TT	Tên huyện	Kế hoạch ĐDDT của Thành phố giao (ha)	Kết quả dồn điền đổi thửa lũy kế từ		Diện tích đất dôi dư sau ĐDDT (ha)	Diện tích ĐDDT vượt so với kế hoạch TP giao (ha)	Diện tích ĐDDT chưa xong so với kế hoạch TP giao (ha)	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)				Số Giấy chứng nhận cần cấp	Số Giấy chứng nhận đã cấp	Tỷ lệ (%)	Số Giấy chứng nhận chưa cấp xong
16	Đông Anh	1.994,5	1.865,3	93,5	-		129,1	10.731	10.394	96,86	337
17	Gia Lâm	1.461,0	1.172,0	80,2	-		289,0	7.220	7.032	97,40	188
18	Hoài Đức	920,5	920,5	100,0			-	2.116	2.116	100,00	-
TỔNG SỐ		75.980,1	79.207,6	104,2	1.836,9	3.673,5	446,0	622.861	616.704	99,01	6.157

BIỂU SỐ 05: TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số 304 /BC-UBND ngày 15 /11/2018 của UBND Thành phố)

TT	Đơn vị	Tổng số xã	Nội dung thực hiện	Kế hoạch của các huyện, thị xã	Lập nhiệm vụ quy hoạch				Lập quy hoạch				Ghi chú
					Thỏa thuận quy hoạch của Sở Quy hoạch Kiến trúc			Quyết định phê duyệt của UBND huyện	Thỏa thuận quy hoạch của Sở Quy hoạch Kiến trúc			Quyết định phê duyệt của UBND huyện	
					Đã nộp hồ sơ lên Sở QHKT	Sở QHKT chưa có văn bản trả lời	Sở QHKT đã có văn bản trả lời		Đã nộp hồ sơ lên Sở QHKT	Sở QHKT chưa có văn bản trả lời	Sở QHKT đã có văn bản trả lời		
1	Ba Vì	30	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	30	29		29	29	29	29			Xã Cam Thượng nằm trong QH chung đô thị vệ tinh Sơn Tây
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	30	29		29	29					
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	30	29		29	29					
2	Hoài Đức	19	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	19	19		19	9	8	8			Các xã nằm trong vùng phát triển đô thị không lập điều chỉnh quy hoạch theo ý kiến của Sở QHKT
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	19	3	3							
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	19									
3	Sơn Tây	6	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	3	3		3						Xã Thanh Mỹ, Xuân Sơn, Đường Lâm nằm trong đô thị vệ tinh Sơn Tây nên lập QH phân khu
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	6	6		6						
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	6	6		6						
4	Phúc Thọ	22	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	21	21		21	21	21		21	15	
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	21	21		21	15					
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	21	21		21	15					
5	Mê Linh	16	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	9	9		9	9	9	9			
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	15	15		15						
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	10	10		10						
6	Gia Lâm	20	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	8	8	4	4						
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	20	16		16						
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	20	16		16						
7	Thạch Thất	22	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	19	19		19	19	19	2	17		Tiền Xuân, Yên Bình, Thạch Hòa nằm trong quy hoạch đô thị nên không lập QH chung

TT	Đơn vị	Tổng số xã	Nội dung thực hiện	Kế hoạch của các huyện, thị xã	Lập nhiệm vụ quy hoạch				Lập quy hoạch				Ghi chú	
					Thỏa thuận quy hoạch của Sở Quy hoạch Kiến trúc			Quyết định phê duyệt của UBND huyện	Thỏa thuận quy hoạch của Sở Quy hoạch Kiến trúc			Quyết định phê duyệt của UBND huyện		
					Đã nộp hồ sơ lên Sở QHKT	Sở QHKT chưa có văn bản trả lời	Sở QHKT đã có văn bản trả lời		Đã nộp hồ sơ lên Sở QHKT	Sở QHKT chưa có văn bản trả lời	Sở QHKT đã có văn bản trả lời			
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	20										
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	21										
8	Chương Mỹ	30	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	30				30	18		18	30	UBND huyện đã điều chỉnh quy hoạch xây từ năm 2015	
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	30	30		30	30						
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	30	30		30	30						
9	Thanh Oai	20	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	18	18		18	18	18	4	14		Xã Cự Khê, Mỹ Hưng nằm trong khu đô thị GS, S4	
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	20	4	4								
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	20	4	4								
10	Ứng Hòa	28	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	28	28		28	28	28	28				
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	28	28		28	28	28	28				
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	28	28		28	28	28	28				
11	Mỹ Đức	21	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	21	21		21	21	2	2				
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	21	2	2								
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	21	1	1								
12	Quốc Oai	20	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	20	18		18	18	18		18	18		
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	20	20		20	20	0		0	0		
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	20	17		17	17	0		0	0		
13	Thanh Trì	15	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	15	15		15	15	15	15			UBND huyện Thanh Trì đã gửi hồ sơ đến sở QHKT từ tháng 6 năm 2018	
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	15	15		15	15	15	15				
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	0										
14	Phú Xuyên	26	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	26	26		26	26	26		26	26		
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	26	26		26	26						
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	26	26		26	26						
15		28	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	28	22		22	22						

TT	Đơn vị	Tổng số xã	Nội dung thực hiện	Kế hoạch của các huyện, thị xã	Lập nhiệm vụ quy hoạch				Lập quy hoạch				Ghi chú
					Thỏa thuận quy hoạch của Sở Quy hoạch Kiến trúc			Quyết định phê duyệt của UBND huyện	Thỏa thuận quy hoạch của Sở Quy hoạch Kiến trúc			Quyết định phê duyệt của UBND huyện	
					Đã nộp hồ sơ lên Sở QHKT	Sở QHKT chưa có văn bản trả lời	Sở QHKT đã có văn bản trả lời		Đã nộp hồ sơ lên Sở QHKT	Sở QHKT chưa có văn bản trả lời	Sở QHKT đã có văn bản trả lời		
	Thường Tín		Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	27									
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	26									
16	Đan Phượng	15	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	15	15		15	15	15		15	15	
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	15	15	1	14	14					
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	15	15	1	14	14					
17	Sóc Sơn	25	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	25	24		24	24	24		24		Xã Tiên Dược nằm trong đô thị vệ tinh Sóc Sơn
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	25									
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	25									
18	Đông Anh	23	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	6	3		3	3					
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	15	5		5	5	5		5		
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	16	10		10	10	7		7		
Tổng		386	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	341	298	4	294	307	250	97	153	104	
			Quy hoạch xây dựng trung tâm xã 1/500	373	235	10	225	182	48	43	5	0	
			Quy hoạch điểm dân cư nông thôn 1/500	354	213	6	207	169	35	28	7	0	

BIỂU SỐ 6A: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN QUÝ III/2018

(Kèm theo Báo cáo số 304./BC-UBND ngày 15 tháng 11/2018 của UBND Thành phố)

STT	TÊN HUYỆN	Quy hoạch			Giao thông			Thủy lợi			Điện			Trường học			CSVC văn hóa			Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn			Thông tin và truyền thông			Nhà ở dân cư			Thu nhập			Hộ nghèo			Lao động có việc làm			Tổ chức sản xuất			Giáo dục & Đào tạo			Y tế			Văn hóa			Môi trường và an toàn thực phẩm			Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật			Quốc phòng và An ninh			
		Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt	Đạt	CB đạt	Chưa đạt										
1	Ba Vì	30	0	0	14	12	4	17	5	8	30	0	0		17	13	0	22	8	16	4	10	30	0	0	26	4	0	14	0	16	10	7	13	26	3	1	27	3	0	28	2		27	3	0	18	0	12	10	17	3	30	0	0	30	0	0	
2	Hoài Đức	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	13	6	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	19	0	0	18	1	0	19	0	0	19	0	0				
3	Sơn Tây	6			5		1	6			6			3	2	1	4	2		4	2		6			6			5		1	5	1		6			5	1		6			4	2		6			4	2		5	1		6			
4	Phúc Thọ	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22			7	15	0	2	20	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	18	4	0	22	0	0	22	0	0	
5	Mê Linh	16	0	0	12	4		16	0	0	16	0	0	3	11	2	14	2	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	16	0	0	
6	Gia Lâm	20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		20	0		16	4		20	0		13	7		20	0		20	0		
7	Thạch Thất	22	0	0	22	0	0	22	0		22	0	0	21	1		21		1	21	0	1	22			22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	0	
8	Chương Mỹ	30	0	0	18	12	0	30	0	0	28	2	0	7	12	11	2	22	6	12	0	18	30	0	0	28	0	2	21	7	2	17	11	2	30	0	0	26	0	4	30	0	0	10	20	0	13	0	17	0	30	0	9	21	0	2	28	0	
9	Thanh Oai	20	0	0	16	3	1	20	0	0	20	0	0	6	9	5	17	3	0	19	0	1	20	0	0	20	0	0	19	1	0	16	4	0	20	0	0	16	4	0	20	0	0	17	3	0	17	1	2	11	8	1	20	0	0	19	1		
10	Ứng Hòa	28	0	0	14	14	0	28	0	0	28	0	0	10	12	6	0	28	0	22	6	0	28	0	0	28	0	0	19	5	4	21	7	0	28	0	0	25	2	1	28	0	0	13	15	0	22	3	3	15	12	1	24	4	0	28	0	0	
11	Mỹ Đức	21	0	0	20	1	0	13	7	1	21	0	0	7	8	6	10	10	1	13	2	6	21	0	0	21	0	0	9	4	8	10	9	2	21	0	0	21	0	0	21	0	0	18	3	0	19	0	2	18	3	0	21	0	0	20	0	1	
12	Quốc Oai	15	2	3	11	9	0	18	2	0	20	0	0	8	11	1	8	10	2	18	2	0	15	5	0	19	1	0	16	3	1	20	0	0	19	1	0	15	5	0	19	1	0	13	7	0	20	0	0	5	15	0	15	5	0	19	1	0	
13	Thanh Trì	15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			
14	Phú Xuyên	25	1	0	15	6	5	20	6	0	26	0	0	1	15	10	16	10	0	18	8	0	26	0	0	24	2	0	20	5	1	23	2	1	23	3	0	25	1	0	26	0	0	22	4	0	22	1	3	12	13	1	25	1	0	24	2	0	
15	Thường Tín	28	0	0	23	5	0	28	0	0	28	0	0	19	3	6	25	2	1	27	1	0	28	0	0	28	0	0	28	0	0	27	0	1	28	0	0	26	0	2	28	0	0	22	6	0	20	0	8	19	7	2	19	9	0	28	0	0	
16	Đan Phượng	15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			15			
17	Sóc Sơn	25	0	0	18	1	6	21	4	0	25	0	0	18	2	5	18	4	3	23	2	0	25	0	0	25	0	0	23	1	1	24	0	1	25	0	0	23	2	0	25	0	0	25	0	0	22	0	3	18	0	7	23	2	0	25	0	0	
18	Đông Anh	23			23			23			23			22		1	22	1		23			23			23			23			23			23			23			23			23			22	1		23			23			23			
Tổng		380	6	0	302	67	17	353	24	9	384	2	0	195	124	67	228	136	22	323	27	36	381	5	0	377	7	2	326	26	34	325	41	20	378	7	1	361	18	7	383	3	0	319	67	0	331	5	50	252	119	15	342	44	0	353	32	1	

BIỂU SỐ 6B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN QUÝ III/2018

(Kèm theo Báo cáo số 304 /BC-UBND ngày 15/11/2018 của UBND Thành phố)

TT	Huyện	Số tiêu chí đạt và cơ bản đạt								
		19 Tiêu chí	18 tiêu chí	17 Tiêu chí	16 Tiêu chí	15 Tiêu chí	14 Tiêu chí	13 Tiêu chí	12 Tiêu chí	11 Tiêu chí
1	Đông Anh	22	1							
2	Thạch Thất	21		1						
3	Quốc Oai	20								
4	Thường Tín	19	2	4	1		1	1		
5	Phú Xuyên	16	5		2	2	1			
6	Phúc Thọ	22								
7	Đan Phượng	15								
8	Sơn Tây	5	0		1					
9	Ba Vì	13	1	2	4	4	1	2	1	2
10	Ứng Hòa	15	2	7	3	1				
11	Thanh Oai	14	5	1						
12	Thanh Trì	15								
13	Mỹ Đức	9	2	3	3	2	2			
14	Sóc Sơn	18		3	1		3			
15	Mê Linh	12	4							
16	Hoài Đức	19								
17	Gia Lâm	20								
18	Chương Mỹ	22	2		1	2	3			
Tổng số		297	24	21	16	11	11	3	1	2

BIỂU SỐ 07: TỔNG HỢP KINH PHÍ QUẬN HỖ TRỢ HUYỆN TỪ NĂM 2016 ĐẾN QUÝ III/2018
(Kèm theo Báo cáo số ~~304~~ /BC-UBND ngày 15 /11/2018 của UBND Thành phố)

TT	Quận hỗ trợ	Huyện được hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (Tr.đ)
Tổng cộng				421.073
1	Thanh Xuân	Ba Vì	Nhà VH thôn Thuận An	2.750
			Nhà VH thôn Thượng Tả	2.500
			Nhà VH thôn Phú An	2.700
			Nhà VH thôn Đông Hữu	2.500
			Nhà VH thôn Mai Trai, Vạn Thắng	2.500
			Nhà VH thôn Tuấn Xuyên, Vạn Thắng	2.500
			Nhà VH thôn Tân Phong 3	2.600
			Nhà VH thôn Ké Mới	2.650
			Trường Mầm non Đồng Thái	14.300
			Trường mầm non khu Cẩm An	11.500
			Trường Tiểu học Chu Minh	11.000
			Nhà VH thôn Tòng Lệnh	1.500
			Nhà VH thôn Phong Châu	1.500
			Nhà VH thôn Phú Châu Châu 3	1.500
			Nhà VH thôn Phú Nhiêu	1.500
			Nhà VH thôn Vật Lại 3	1.500
		Đông Anh	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Bàu xã Kim Chung	40.000
		Thanh Oai	Xây dựng Trường Mầm non xã Thanh Văn	36.000
		Sóc Sơn	Xây dựng trường mầm non Tiên Dược khu C	40.000
		Cộng		
2	Ba Đình	Thanh Oai	Xây dựng Trường trung học cơ sở xã Đỗ Động	20.000
		Mỹ Đức	Xây dựng trường tiểu học Hợp Tiến B, xã Hợp Tiến	15.000
		Phú Xuyên	Xây dựng trường Mầm non Hồng Thái xã Hồng Thái	20.000
		Sơn Tây	Xây dựng nhà Trung tâm VH xã Cổ Đông	12.000
		Cộng		
3	Nam Từ Liêm	Chương Mỹ	Nhà VH Trung tâm Xã Thượng Vực	6.000
		Mê Linh	02 nhà VH xã Hoàng Kim	5.859
		Mỹ Đức	Hỗ trợ 01 công trình trường THCS xã Xuy Xá	20.000
		Cộng		
4	Hoàng Mai	Thạch Thất	Hỗ trợ xây dựng 04 nhà VH thôn xã Bình Phú	7.200
		Mỹ Đức	Hỗ trợ cải tạo công trình trường Trung học cơ sở tại xã Phù Lưu Tế	10.000
		Ứng Hoà	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Tân Phương thị trấn Vân Đình -Ứng Hòa	10.000
		Cộng		
5	Long Biên	Mỹ Đức	Trường Trung học cơ sở xã Mỹ Thành	25.000
		Cộng		
6	Đống Đa	Sóc Sơn	Xây dựng nhà VH thôn Bến	15.000
			cải tạo nhà VH thôn Trung, thôn Chùa xã Đức Hòa	
			Hỗ trợ UBND xã Đức Hòa XD hạ tầng, hoàn thiện, nâng cao một số tiêu chí NTM	

TT	Quận hỗ trợ	Huyện được hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (Tr.đ)
			Xây dựng trường Tiểu học xã Phú Minh	10.000
		Cộng		25.000
7	Hai Bà Trưng	Chương Mỹ	Nhà VH thôn Thượng Phúc, xã Đồng Phú	5.500
			Xây dựng 02 nhà VH thôn xã Văn Võ	5.000
		Thường Tín	Nhà VH thôn Hương Xá, xã Quất Động	3.000
		Sóc Sơn	Xây dựng nhà VH thôn Xuân Đồng, xã Tân Minh	5.000
		Phú Xuyên	Xây dựng nhà VH thôn Bái Đô xã Tri Thủy, thôn Thượng xã Vân Từ, thôn Ngọ xã Chuyên Mỹ	3.000
		Cộng		21.500
8	Hà Đông	Chương Mỹ	Xây nhà VH thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương	5.000
		Phú Xuyên	Nhà VH Thụy Phú	1.000
			Nhà VH thôn Sáo Thượng, xã Quang Lãng	1.000
			Nhà VH thôn Sáo Hạ, xã Quang Lãng	1.000
			Nhà VH thôn Thần Quy, xã Minh Tân	1.000
			Nhà VH thôn Giáp Hạ, xã Bạch Hạ	1.000
		Thường Tín	Nhà VH thôn Cống Xuyên, xã Nghiêm Xuyên	3.000
			Nhà VH thôn Khoái Nội, xã Thắng Lợi	2.000
		Cộng		15.000
10	Tây Hồ	Quốc Oai	Xây dựng nhà VH thôn 2 xã Cộng Hòa	2,000
			Xây dựng nhà VH thôn 3 xã Cộng Hòa	2,000
			Xây dựng nhà VH thôn 4 xã Cộng Hòa	2,000
			Trường Mầm non Cộng Hòa xã Cộng Hòa	7,000
		Cộng		13.000
9	Hoàn Kiếm	Phú Xuyên	Trường Trung học cơ sở xã Châu Can	6.514
		Cộng		6.514
11	Bắc Từ Liêm	Phúc Thọ	Nhà VH thôn Phú Châu xã Xuân Phú	5.000
			Nhà VH cụm 2 xã Phụng Thượng	
		Cộng		5.000
12	Cầu Giấy	Ứng Hòa	Hỗ trợ xây dựng nhà VH thôn An Phú xã Hòa Phú	3.000
		Cộng		3.000
		Thường Tín		

BIỂU SỐ 08. TỔNG HỢP HUY ĐỘNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỪ NĂM 2016 ĐẾN QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 304 /BC-UBND ngày 15 /11/2018 của UBND Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	1. Ngân sách Thành phố			2. Ngân sách cấp huyện	3. Ngân sách cấp xã	Vốn huy động ngoài ngân sách			
				Tổng cộng	Hỗ trợ trực tiếp	Lồng ghép			Tổng cộng	1. Vốn DN, HTX..	2.Vốn dân đóng góp	3. Vốn khác
	Tổng cộng	26.816.420	58.000	10.667.619	4.748.714	5.918.905	12.782.489	804.496	2.503.816	989.553	1.082.726	431.538
1	Thanh Trì	1.188.814	7.000	270.887	100.687	170.200	825.300	53.618	32.009	9.009	23.000	-
2	Sóc Sơn	1.322.100	1.000	716.299	283.625	432.674	186.092	15.260	403.449	202.603	170.846	30.000
3	Mê Linh	988.805	2.000	470.388	189.888	280.500	386.063	30.724	99.630	62.000	31.820	5.810
4	Quốc Oai	1.925.691	1.000	1.015.191	539.691	475.500	513.021	28.253	368.226	170.000	71.545	126.681
5	Chương Mỹ	1.416.065	1.000	757.273	408.117	349.156	532.172	32.986	92.634	86.422	6.167	45
6	Thanh Oai	1.331.437	1.000	468.052	152.958	315.094	661.158	15.600	185.627	75.629	22.047	87.951
7	Ứng Hòa	1.226.764	1.000	554.535	266.035	288.500	405.498	147.764	117.967	77.220	36.644	4.103
8	Mỹ Đức	1.476.430	-	752.338	305.338	447.000	506.305	97.355	120.432	-	50.432	70.000
9	Thường Tín	1.029.381	1.000	454.499	143.687	310.812	517.743	42.508	13.631	-	13.631	-
10	Phú Xuyên	1.155.742	-	605.684	300.684	305.000	436.291	40.528	73.239	52.105	21.134	-
11	Ba Vì	1.669.010	-	1.191.760	519.767	671.993	393.874	13.000	70.376	3.204	2.172	65.000
12	Phúc Thọ	1.190.636	2.000	523.645	225.488	298.157	585.098	8.251	71.642	64.410	5.832	1.400
13	Thạch Thất	1.745.709	4.000	608.174	207.651	400.523	965.399	15.568	152.568	6.071	146.497	-
14	Sơn Tây	753.213	-	420.169	87.683	332.486	221.092	10.349	101.603	88.198	10.806	2.599
15	Gia Lâm	2.075.387	2.000	581.279	278.761	302.518	1.391.274	69.465	31.369	2.265	20.305	8.799

TT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	1. Ngân sách Thành phố			2. Ngân sách cấp huyện	3. Ngân sách cấp xã	Vốn huy động ngoài ngân sách			
				Tổng cộng	Hỗ trợ trực tiếp	Lồng ghép			Tổng cộng	1. Vốn DN, HTX..	2.Vốn dân đóng góp	3. Vốn khác
16	Đông Anh	2.661.022	3.000	579.350	396.350	183.000	1.836.104	119.882	122.686	53.225	40.311	29.150
17	Hoài Đức	2.523.858	4.000	482.102	254.810	227.292	1.619.108	40.683	377.964	-	377.964	-
18	Đan Phượng	1.124.356	16.000	215993	87493	128.500	800.896	22.702	68764,6	37.192	31.573	0
19	Nam Từ Liêm	4.000	4.000									
20	Bắc Từ Liêm	8.000	8.000									

